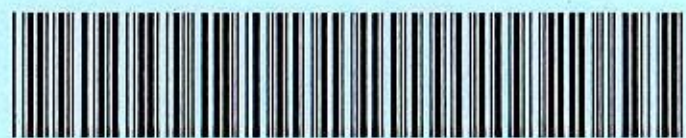


THƯ VIỆN ĐHSP ĐÀ NẴNG

320.0711 / Tài



LSPKM.115829-30

hS. NGUYỄN DUY QUÝ  
, ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG

TÀI LIỆU MÔN HỌC

# GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

(Dùng trong các trường Cao đẳng giáo dục  
nghề nghiệp và dạy nghề)

0711

i



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

**ThS. LÊ ĐỨC THỌ, ThS. NGUYỄN DUY QUÝ**  
**ThS. LÊ THỊ NGỌC HOA, ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

**TÀI LIỆU MÔN HỌC**  
**GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

(Dùng trong các trường Cao đẳng giáo dục  
nghề nghiệp và dạy nghề)



**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ**

**Huế, 2019**

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia  
Việt Nam**

Lê Đức Thọ

Tài liệu môn học Giáo dục Chính trị : Dùng trong các trường Cao đẳng giáo dục nghề nghiệp và dạy nghề / Lê Đức Thọ. - Huế : Đại học Huế, 2019. - 181tr. ; 21cm

Thư mục: tr. 178-181

1. Giáo dục chính trị 2. Tài liệu

320.0711 - dc23

DUK0095p-CIP

---

**Mã số sách: TK/57-2019**

## LỜI NÓI ĐẦU

Không có lĩnh vực nào của đời sống xã hội hiện đại lại đứng ngoài chính trị, từ vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa đến xây dựng đạo đức, lối sống; từ sự đánh giá về quá khứ, đến dự báo tương lai,... đều phải có định hướng chính trị rõ ràng. Theo đó, nội dung của môn Giáo dục chính trị là rất rộng, từ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại cho đến rèn luyện tu dưỡng để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt. Cùng với việc học tập kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, sinh viên phải được trang bị hệ thống tri thức lý luận chính trị đúng đắn. Bởi kiến thức lý luận chính trị là kim chỉ nam cho phương hướng rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức; hướng các em sinh viên đến hành động thực tiễn nhân văn, tiến bộ, khoa học; hun đúc cho sinh viên lòng yêu nước chân chính; có tinh thần kiên định, vững vàng, không hoang mang, dao động trước những biến động phức tạp của cuộc sống và tình hình chính trị trên thế giới; có quan điểm đúng đắn, lập trường cách mạng vững chắc và phương pháp luận khoa học, là điều kiện để sinh viên chủ động, tự tin vươn lên làm chủ khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại,...; giúp sinh viên có lập trường tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình đào tạo giáo dục chính trị cho sinh viên cao đẳng, trung cấp trong các trường giáo dục nghề nghiệp và dạy nghề ở nước ta hiện nay theo thông tư Số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 6/12/2018, về

Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng giáo dục nghề nghiệp. Cuốn sách *Tài liệu môn học giáo dục chính trị (Dùng trong các trường Cao đẳng giáo dục nghề nghiệp và dạy nghề)* được biên soạn với mục tiêu khái quát những kiến thức cơ bản của lý luận chính trị, làm tài liệu phục vụ quá trình nghiên cứu, dạy và học của giảng viên, sinh viên tại các trường trung cấp và cao đẳng ở nước ta.

Mặc dù đã nỗ lực trong quá trình biên soạn nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được mọi góp ý của quý đồng nghiệp và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

**Nhóm tác giả**

## MỤC LỤC

	Trang
Bài mở đầu. Đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu	7
Bài 1. Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	12
Bài 2. Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	47
Bài 3. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	82
Bài 4. Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	99
Bài 5. Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	120
Bài 6. Tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	140
Bài 7. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	152
Bài 8. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	160
Bài 9. Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	170
Tài liệu tham khảo	178

# **BÀI MỞ ĐẦU**

## **ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **1.1. Vị trí**

Môn học Giáo dục Chính trị là môn học có nhiều nội dung quan trọng, là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ cao đẳng nói chung và các hệ cao đẳng nghề nói riêng.

#### **1.2. Tính chất**

Là môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về phương pháp luận nhằm thực hiện mục tiêu nâng cấp trình độ giác ngộ, góp phần khắc phục những sai lầm, khuyết điểm trong nhận thức luận cho người lao động.

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

### **2. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **2.1. Về kiến thức**

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của

đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

## **2.2. Về kỹ năng**

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội cùng với các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày cũng như trong hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

## **2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

# **3. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHỨC NĂNG NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP**

## **3.1. Đối tượng nghiên cứu, học tập**

*Đối tượng* của môn học chính trị được xác định dựa trên quan điểm duy vật lịch sử, nghiên cứu những quy luật chung nhất của hoạt động chính trị, cơ chế tác động, những phương thức sử dụng để hiện thực hóa những quy luật chung đó; nghiên cứu hoạt động của các đảng phái và chính quyền, các tổ chức chính trị; các giai cấp và các mối quan hệ về chính trị giữa các lực lượng đó của các chế độ xã hội.

*Mục đích* của môn học Chính trị là trang bị cho người học nhận thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; góp phần bồi dưỡng nhận thức tư

tưởng, giáo dục niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và định hướng trong quá trình học tập, rèn luyện cho người học.

### **3.2. Chức năng nghiên cứu, học tập**

Môn học Chính trị có hai chức năng cơ bản là:

- *Chức năng nhận thức khoa học*: Giúp người học hiểu biết hệ thống tri thức về nền tảng tư tưởng của Đảng và của cách mạng, nội dung hoạt động lãnh đạo, quản lý và xây dựng của Đảng, Nhà nước ta.

- *Chức năng giáo dục tư tưởng, tình cảm cách mạng*: Môn học Chính trị có chức năng giáo dục tư tưởng chính trị, tham gia vào việc giải quyết những nhiệm vụ hiện tại; giáo dục niềm tin vào sự phát triển của cách mạng Việt Nam, có tác dụng quan trọng đối với việc trau dồi thế giới quan, phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó có quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng.

## **4. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC**

### **4.1. Phương pháp nghiên cứu, học tập**

Phát huy tính chủ động của thầy và tính tích cực của trò. Sinh viên phải liên hệ với thực tiễn, tự nghiên cứu, thảo luận, liên hệ thực tiễn, thảo luận tích cực, cung cấp cho nhau các tri thức trong quá trình học tập. Cần áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập tích cực để môn học không khô khan mà thiết thực và có hiệu quả.

Có thể tổ chức cho sinh viên thảo luận, xem băng hình, phim tư liệu lịch sử, chuyên đề thời sự hoặc tổ chức đi tham

quan, nghiên cứu các điển hình sản xuất công nghiệp, các di tích văn hóa ở địa phương. Phát huy khả năng tự học, tự trao đổi và các phương pháp thảo luận nhóm, hoạt động nhóm trong nghiên cứu và học tập bộ môn.

#### **4.2. Điều kiện thực hiện môn học**

Để đạt được hiệu quả cao trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập môn học này nhất thiết cần chú ý đến một số điều kiện thiết yếu như: Cần có phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị hỗ trợ dạy học khác.

Ngoài ra, cần phải có chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh và các tài liệu liên quan.

#### **4.3. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

# BÀI 1

## KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

### 1. KHÁI LƯỢC QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

#### 1.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin “là hệ thống *quan điểm và học thuyết*” khoa học của C. Mác<sup>1</sup>, Ph. Ăngghen<sup>2</sup> và sự phát triển của V.I. Lênin<sup>3</sup>; là sự *kế thừa và phát triển* những giá trị của lịch sử tư tưởng nhân loại, trên cơ sở thực tiễn của thời đại; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động và giải phóng con người; là thế giới quan và phương pháp luận phổ biến của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

---

<sup>1</sup> C. Mác sinh ra trong một gia đình Do Thái giàu có ở Trier, Đức. Năm 17 tuổi, Mác vào Đại học Born để học về luật. Ở đây, Mác bắt đầu quan tâm đến nghiên cứu triết học và văn học. Những năm tiếp theo, ông tiếp thu triết học vô thần của những người Hêghen cánh tả (Hêghen trẻ). C. Mác đỗ Tiến sỹ năm 1841 với luận án mang tiêu đề: “*Sự khác biệt giữa triết học tự nhiên của Epicurus với triết học tự nhiên của Democritus*”. Sau đó, C. Mác tham gia hoạt động xã hội và nghiên cứu khoa học một cách tích cực. Thời gian này, Ông đã đạt được những thành quả to lớn về triết học, kinh tế chính trị học và cùng với Ph. Ăngghen trở thành một trong những lãnh tụ của phong trào quốc tế vô sản.

<sup>2</sup> Ph. Ăngghen sinh ở Barmen, Rhine Province của vương quốc Phổ. Ông là con trai trưởng của một nhà sản xuất sợi dệt người Đức. Năm 1838, Ăngghen bắt đầu đọc các tác phẩm triết học của Hêghen. Năm 1841, ông bắt đầu tham gia vào nhóm Hêghen trẻ và xuất bản một vài bài trên *Nhật báo sông Ranh*. Ph. Ăngghen đã phát triển chủ nghĩa cộng sản cùng với C.Mác, đồng tác giả của cuốn sách *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848). Ăngghen cũng biên tập và xuất bản quyển II và quyển III của bộ *Tư bản* sau khi Mác mất.

<sup>3</sup> V.I. Lênin sinh ngày 22/4/1870 ở Simbirsk (nay là Ulianovsk), mất ngày 21 tháng Giêng 1924 ở làng Gorki gần Moskva. V.I. Lênin (1870 – 1924) là người tiếp tục sự nghiệp của C. Mác và Ph. Ăngghen, lãnh tụ của giai cấp vô sản Nga và quốc tế, người sáng lập Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước Xô viết.

Chủ nghĩa Mác - Lênin có nhiều chức năng nhưng hai chức năng quan trọng nhất là chức năng thế giới quan và chức năng phương pháp luận. Thực hiện hai chức năng này, Chủ nghĩa Mác - Lênin đem lại cho con người một thế giới quan khoa học và một phương pháp luận khoa học.

*Chức năng thế giới quan:* Chủ nghĩa Mác - Lênin đem lại cho con người hệ thống các quan điểm khoa học thống nhất về thế giới (bao hàm cả con người, xã hội loài người). Hệ thống các quan điểm này đóng vai trò định hướng cho toàn bộ hoạt động sống, từng bước hình thành và củng cố nhân sinh quan của con người.

*Chức năng phương pháp luận:* Chủ nghĩa Mác - Lênin trang bị cho con người cơ sở lý luận khoa học để tìm tòi, xây dựng và vận dụng các phương pháp trong hoạt động nhận thức, thực tiễn nói riêng và trong toàn bộ cuộc sống nói chung.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống tri thức phong phú về nhiều lĩnh vực, nhưng trong đó có ba bộ phận lý luận quan trọng nhất là: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. *Triết học Mác - Lênin* là bộ phận nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy nhằm hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất cho nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng. *Kinh tế chính trị* nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là nghiên cứu quy luật kinh tế của sự phát sinh, phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa. *Chủ nghĩa xã hội khoa học* nghiên cứu quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự chuyển biến lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Ba bộ phận cấu thành chủ

nghĩa Mác - Lênin có đối tượng nghiên cứu cụ thể khác nhau nhưng đều nằm trong hệ thống lý luận khoa học thống nhất - Đó là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột, tiến tới giải phóng con người.

## **1.2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin**

### ***1.2.1. Giai đoạn C.Mác và Ph. Ăngghen sáng lập Chủ nghĩa Mác***

- Những tiền đề của sự ra đời chủ nghĩa Mác

*Tiền đề kinh tế - xã hội:* Chủ nghĩa Mác ra đời trong những năm 40 của thế kỷ XIX ở Tây Âu, đây cũng là thời kỳ chủ nghĩa tư bản đã bước sang giai đoạn mới nhờ tác động của cách mạng công nghiệp. Cuộc cách mạng công nghiệp đã làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được củng cố vững chắc. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng làm lộ rõ thêm mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó, đó là mâu thuẫn giữa một bên là tính chất xã hội hóa và trình độ phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất với một bên là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này được biểu hiện về mặt xã hội, đó là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Dẫn đến 3 phong trào đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân: Phong trào Hiến chương Anh, phong trào đấu tranh của công nhân Lyon (Pháp), phong trào đấu tranh của công nhân dệt Xilêdi... Qua các phong trào đó giai cấp vô sản đã ngày càng lớn mạnh, trở thành lực lượng tiên phong trong cuộc đấu tranh cho nền dân chủ và tiến bộ xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản đã đặt ra yêu cầu bức thiết phải có lý luận cách mạng thật sự khoa học dẫn đường, đó phải là lý luận

khoa học, giải thích đúng đắn bản chất của chủ nghĩa tư bản, vai trò lịch sử của giai cấp vô sản, triển vọng của phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và tương lai của xã hội loài người nói chung. Chủ nghĩa Mác ra đời gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và trở thành vũ khí lý luận của cuộc đấu tranh đó.

*Tiền đề về lý luận:* Chủ nghĩa Mác có ba nguồn gốc lý luận: Triết học cổ điển Đức, Kinh tế học chính trị học cổ điển Anh và Chủ nghĩa xã hội Pháp, Anh, trong đó Triết học cổ điển Đức là tiền đề lý luận trực tiếp. Với triết học Cổ điển Đức, Mác và Ăngghen đã khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của triết học Hêghen kế thừa phương pháp biện chứng của ông. Đồng thời, khắc phục tính siêu hình trong triết học Phoiobắc, kế thừa chủ nghĩa duy vật của ông

*Tiền đề khoa học tự nhiên:* Chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác là kết quả của sự tổng kết những thành tựu tư tưởng của nhân loại, được chứng minh và phát triển dựa trên những kết luận mới nhất của khoa học tự nhiên, trong đó có 3 phát minh quan trọng nhất: Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, Thuyết tiến hóa của Darwin, Học thuyết tế bào. Những phát minh này đã góp phần bác bỏ tư duy siêu hình và quan điểm thần học. Khẳng định tính khoa học của tư duy biện chứng (thế giới vô cùng, vô tận, tự tồn tại, tự vận động, tự chuyển hóa). Đồng thời, nó tạo ra điều kiện tiền đề cho thế giới quan duy vật và phương pháp biện chứng ra đời.

*Tiền đề chủ quan:* Đó chính là thiên tài về trí tuệ và chính trị của C. Mác và Ph. Ăngghen. Họ là những người có kiến thức thiên tài trên nhiều lĩnh vực khoa học như triết học, kinh tế chính trị học, toán học, quân sự... Đặc biệt, họ là những người hoạt

động gắn bó và hiểu biết sâu sắc phong trào công nhân và nhân dân lao động. Họ có điểm giống nhau là tìm thấy sức mạnh to lớn của giai cấp công nhân hiện đại và quần chúng nhân dân lao động. Lần đầu tiên trong lịch sử, hai ông đã chỉ ra rằng, giai cấp vô sản là người giải phóng mình, đồng thời giải phóng cho toàn nhân loại; đó còn là tình yêu thương những người lao động; sự thông minh; lòng dũng cảm dám hy sinh vì người lao động; sự phấn đấu không mệt mỏi cho sự nghiệp giải phóng người lao động.

Như vậy, sự ra đời của chủ nghĩa Mác là hiện tượng hợp quy luật; nó vừa là sản phẩm của tình hình kinh tế - xã hội đương thời, của tri thức nhân loại thể hiện trong các lĩnh vực khoa học, vừa là kết quả của năng lực tư duy và tinh thần nhân văn của những người sáng lập ra nó.

*- C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập và phát triển chủ nghĩa Mác*

Sự ra đời và phát triển học thuyết Mác gắn liền với tên tuổi của C.Mác và Ph. Ăngghen - lãnh tụ của giai cấp vô sản thế giới.

*Thời gian từ năm 1842 về trước:* Mác và Ăngghen là những thanh niên đầy nhiệt tình và lòng nhân đạo, say mê nghiên cứu triết học, nhưng chưa thoát khỏi lập trường triết học duy tâm và lập trường dân chủ cách mạng.

*C.Mác, Ph. Ăngghen và quá trình chuyển biến tư tưởng của các ông từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và cộng sản chủ nghĩa (1842 - 1844):* Cột mốc quan trọng cho sự chuyển biến tư tưởng của C.Mác là thời kỳ ông làm việc ở *báo Sông Ranh* (2-1842). Ở đó, tư tưởng dân chủ cách mạng của ông đã chuyển sang bảo vệ quyền lợi của quần chúng nghèo khổ, bất hạnh về chính trị và xã hội. Nhận

thức những vấn đề trong hiện thực chính trị xã hội đã khiến Mác bắt đầu có sự hồ nghi đối với triết học Hêghen vì nó mâu thuẫn với tinh thần dân chủ cách mạng. Trong khi phê phán Hêghen, Mác vừa tiếp đón nồng nhiệt những tư tưởng duy vật và nhân văn của Phoiơbắc. Sự phê phán đối với triết học Hêghen, việc khái quát những kinh nghiệm lịch sử cùng với ảnh hưởng của triết học Phoiơbắc đã tăng cường xu hướng duy vật trong quan điểm của Mác.

*Giai đoạn từ năm 1844 - 1848:* Các Mác và Ph. Ăngghen đã kế thừa những tinh hoa của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng để xây dựng nên phép biện chứng duy vật. Trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản đã chỉ ra quy luật vận động của lịch sử, thể hiện tư tưởng cơ bản về lý luận hình thái kinh tế xã hội, về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Với các quan điểm này, C. Mác và Ph. Ăngghen đã tạo tiền đề sáng lập ra chủ nghĩa duy vật lịch sử.

*Giai đoạn C.Mác và Ph. Ăngghen bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác (1849 - 1895):* Đây là giai đoạn phát triển, hoàn thiện của chủ nghĩa Mác. Trong giai đoạn này cùng với các hoạt động thực tiễn, trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nghiên cứu một cách toàn diện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Dựa trên việc phát hiện ra phạm trù hàng hóa sức lao động, Các Mác đã tìm ra nguồn gốc của giá trị thặng dư, chỉ ra bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Lý luận giá trị thặng dư được C.Mác và Ph. Ăngghen trình bày toàn diện, sâu sắc trong bộ *Tư bản*. Tư tưởng về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về cách mạng vô sản tiếp tục được phát triển trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta*. Tác phẩm này trình bày những luận điểm

cơ bản của chủ nghĩa Mác về nhà nước chuyên chính vô sản, về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, các giai đoạn xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Những đóng góp của C.Mác vào kho tàng lý luận của nhân loại: Giá trị lý luận tiêu biểu nhất mà Chủ nghĩa Mác đã sáng tạo, công hiến cho nhân loại trước hết là về triết học. Triết học Mác không chỉ giải thích mà còn vạch ra con đường, những phương tiện cải tạo thế giới. Mác từng khẳng định: Triết học không chỉ nhận thức mà còn phải cải tạo thế giới. Việc sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử mà cốt lõi là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là một thành tựu vĩ đại của triết học Mác. Học thuyết giá trị thặng dư vạch ra quy luật vận động kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, từ đó thấy rõ bản chất của chủ nghĩa tư bản; vai trò địa vị lịch sử của chủ nghĩa tư bản trong sự phát triển của nhân loại. Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chỉ rõ giai cấp công nhân là người lãnh đạo cuộc đấu tranh để xóa bỏ chế độ bóc lột và xây dựng thành công xã hội mới. Ngoài sáng tạo ra học thuyết lý luận, C.Mác và Ph. Ăngghen đã tích cực hoạt động trong phong trào của giai cấp công nhân. Hai ông vừa là lãnh tụ vừa là người thầy vĩ đại của giai cấp công nhân quốc tế.

### ***1.2.2. Giai đoạn V.I. Lênin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác***

Triết học Mác được V.I. Lênin phát triển và vận dụng trong cách mạng vô sản nên được gọi là triết học Mác -Lênin. Vladimir Ilich Lênin (1870 - 1924) sinh ở Simbirsk, nước Nga. Lênin là người vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác nói chung và triết học Mác nói riêng. Lênin phát triển chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng; lý luận nhận thức; lý luận về giai cấp và đấu

tranh giai cấp; lý luận về nhà nước và cách mạng vô sản, về chuyên chính vô sản, về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

*Bối cảnh lịch sử mới và nhu cầu bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác:* Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã bước sang một giai đoạn mới: chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa đế quốc, đây là giai đoạn cao của chủ nghĩa tư bản. Các nước tư bản chia nhau thị trường thế giới và gây ra chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918). Cách mạng vô sản đã trở thành nhiệm vụ trực tiếp. Sau khi Ph. Ăngghen qua đời, các phần tử cơ hội trong Quốc tế II xuyên tạc chủ nghĩa Mác. Tình hình đó đòi hỏi Lênin phải tiến hành đấu tranh bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong khoa học tự nhiên, nhất là trong vật lý học, có một loạt phát minh khoa học làm đảo lộn quan niệm siêu hình về vật chất và vận động, gây ra cuộc khủng hoảng về thế giới quan trong vật lý học. Chủ nghĩa duy tâm lợi dụng tình trạng khủng hoảng này để tấn công và bác bỏ chủ nghĩa duy vật. Lênin phải tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa duy vật.

*Vai trò của V.I Lênin đối với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới:* V.I. Lênin đã phê phán, khắc phục và chống lại những qua điếm sai lầm xuất hiện trong thời đại đế quốc: chủ nghĩa xét lại chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa duy tâm vật lý học, bệnh ấu trĩ tả khuynh trong triết học, chủ nghĩa giáo điều... Hiện thực hóa lý luận chủ nghĩa Mác bằng sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, mở ra thời đại mới trong lịch sử nhân loại và đưa chủ nghĩa xã hội từ khoa học trở thành hiện thực. Đồng thời, bổ sung và hoàn chỉnh về mặt lý

luận và thực tiễn những vấn đề lý luận về cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, lý luận về nhà nước chuyên chính vô sản, chính sách kinh tế mới.

## **2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

### **2.1. Triết học Mác - Lênin**

Triết học Mác - Lênin (bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử) là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Những nguyên lý, khái niệm, phạm trù, quy luật và phương pháp luận cơ bản của nó mang tính phổ biến và phổ quát. Chúng bao quát, tác động, chi phối cả giới tự nhiên, đời sống xã hội và tư duy, trí tuệ nhân loại ở tất cả các chế độ xã hội và trong mọi giai đoạn lịch sử. Vì vậy, triết học Mác - Lênin trở thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho hoạt động của con người và nhân loại tiến bộ.

#### **2.1.1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

##### *Bản chất của thế giới*

Tìm hiểu bản chất của thế giới là một trong những vấn đề cơ bản của triết học. *Chủ nghĩa duy vật* đã qua hàng nghìn năm phát triển, từ duy vật chất phác thời cổ đại, duy vật siêu hình thời cận đại và chủ nghĩa duy vật biện chứng do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập. Đây là trường phái triết học lớn được xây dựng trên cơ sở quan điểm coi nguồn gốc, bản chất của mọi sự tồn tại trong thế giới là vật chất. Vật chất là cái có trước, ý thức là cái có sau, vật chất quyết định ý thức, còn ý thức chỉ là sự phản ánh một

phân thế giới vật chất vào đầu óc con người.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới biểu hiện rất đa dạng, phong phú khác nhau nhưng đều có chung bản chất vật chất. V.I. Lênin định nghĩa: *“Vật chất là một phạm trù triết học, dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”*<sup>4</sup>.

Định nghĩa này được hiểu theo nghĩa cơ bản sau:

*Thứ nhất*, vật chất được hiểu là một phạm trù triết học, phạm trù rộng và khái quát nhất, không thể hiểu như các khái niệm vật chất thường dùng trong các lĩnh vực khoa học cụ thể hoặc đời sống sinh hoạt hằng ngày. Thuật ngữ “cảm giác” được hiểu và đồng nghĩa với ý thức.

*Thứ hai*, *“Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan... và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”*. Tất cả những gì tồn tại khách quan không phụ thuộc vào cảm giác thì là vật chất. Lưu ý, có những cái tồn tại thực nhưng lại phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người như tư tưởng tiêu tư sản, tình yêu, lòng căm thù...

*Thứ ba*, *“Vật chất... đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh...”*. Thế giới vật chất là thế giới hiện thực sinh động, “thực tại khách quan đem lại cho con người trong cảm giác”, nghĩa là vật chất là nguồn gốc sinh ra ý thức. Vật chất không chỉ có trước, quyết định mà còn là cơ chế tác động hình thành nên ý

---

<sup>4</sup> V.I. Lênin: *Toàn tập, tập 18*. Nxb Tiến bộ. M. 1980. tr. 151.

thức con người. Vì vậy, con người hoàn toàn có khả năng nhận thức được thế giới.

Định nghĩa vật chất của V.I. Lênin đã giải quyết được cả hai mặt của vấn đề cơ bản của triết học theo lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng; chống lại mọi quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và thuyết bất khả tri; khắc phục được hạn chế của quan điểm duy vật siêu hình; mở đường cho khoa học phát triển, nhất là những ngành nghiên cứu cấu trúc vi mô về vật chất; góp phần khắc phục cuộc khủng hoảng vật lý học cuối XIX, đầu XX; chỉ ra vật chất trong lĩnh vực xã hội, đó là tồn tại xã hội; đưa ra phương pháp định nghĩa đặc biệt.

#### *Các phương thức, hình thức tồn tại của vật chất*

- Vận động là phương thức tồn tại của vật chất: Vận động, hiểu theo nghĩa chung nhất là một phương thức tồn tại của vật chất, một thuộc tính cố hữu của vật chất, bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy. Vật chất chỉ tồn tại trong vận động, bằng cách vận động, nghĩa là thông qua vận động, vật chất biểu thị sự tồn tại của mình. Ph. Ăngghen đã chia vận động thành 5 hình thức cơ bản là vận động cơ học, lý học, hóa học, sinh học và vận động xã hội.

Vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối. Vận động là tuyệt đối vì vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất. Không ở đâu, không lúc nào có vật chất mà lại không có sự vận động. Đứng im là tương đối vì nó chỉ xảy ra với một hình thức vận động, có tính chất cá biệt, chỉ xảy ra trong một quan hệ nhất định. Không có đứng im tương đối thì không thể có những sự vật cụ thể, xác định và con người

không thể nhận thức được bất cứ cái gì. Trong đứng im vẫn có vận động, nên đứng im là tương đối.

Ý nghĩa: Xác định quan điểm duy vật biện chứng; xem xét sự vật, hiện tượng trong trạng thái vận động, biến đổi không ngừng. Đứng im chỉ là tạm thời, tương đối. Hiểu vận động là cái vốn có của vật chất, không do ai tạo ra và không bao giờ mất bị tiêu diệt. Chống lại các quan điểm duy tâm siêu hình. Nắm vững các hình thức vận động của vật chất để hiểu tính đa dạng, phong phú của vận động.

- Không gian, thời gian là hình thức tồn tại của vật chất: Không gian, thời gian thống nhất với nhau và với vật chất vận động; không gian và thời gian là thuộc tính cố hữu, là hình thức tồn tại của vật chất vận động. Khái niệm không gian dùng để chỉ vị trí tồn tại của sự vật, hiện và kết cấu hình dạng của chúng; còn khái niệm thời gian dùng để chỉ quá trình vận động, biến đổi của các sự vật, hiện tượng. Trong thế giới, không có không gian và thời gian bên ngoài vật chất vận động, cũng không có vật chất vận động bên ngoài không gian và thời gian.

Ý nghĩa: Không gian, thời gian là vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng, muốn nhận thức đúng đắn các sự vật, hiện tượng nhất thiết phải xem xét nó trong không gian, thời gian nhất định, phải có quan điểm lịch sử cụ thể. Phải tính đến cả quá khứ, hiện tại và tương lai nhưng hiện tại là cái cơ bản.

### *Tính thống nhất vật chất của thế giới*

Bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất. Chỉ có một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, có trước và độc lập với

ý thức con người. Trong thế giới không có gì khác hơn ngoài vật chất đang vận động, các hình thức và các dạng tồn tại của vật chất và vận động có thể chuyển hóa lẫn nhau trong những điều kiện nhất định. Tinh thần chỉ có trong đầu óc con người và là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao. Mọi bộ phận của thế giới vật chất đều có mối liên hệ thống nhất với nhau. Thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô hạn và vô tận, không được sinh ra và không bị mất đi. Ý thức tinh thần cũng chỉ là thuộc tính của bộ não người, do đó cũng bị chi phối bởi quy luật của thế giới vật chất.

Ý nghĩa: Quan điểm về sự thống nhất của thế giới ở tính vật chất có vai trò hết sức to lớn trong việc nhận thức thế giới và khám phá những bí mật của nó. Nó đòi hỏi phải xuất phát từ *hiện thực khách quan*, lấy đó làm cơ sở, điều kiện cho hoạt động của mình. Những mục đích, chủ trương, kế hoạch và cả những biện pháp tổ chức thực hiện không thể rút ra từ nguyện vọng chủ quan mà phải được xây dựng từ hiện thực khách quan phản ánh những nhu cầu chín muồi và tất yếu của đời sống xã hội, mới có khả năng trở thành hiện thực.

### *Nguồn gốc và bản chất của ý thức*

- Nguồn gốc của ý thức: Ý thức là kết quả của quá trình tiến hóa lâu dài của tự nhiên và xã hội, là kết quả của quá trình phản ánh thế giới hiện thực khách quan vào trong đầu óc của con người. Bộ não người là cơ quan phản ánh thế giới xung quanh cùng sự tác động của thế giới vật chất vào bộ não người là nguồn gốc tự nhiên của ý thức. Lao động và ngôn ngữ là hai nguồn gốc xã hội quyết định trực tiếp đến sự hình thành và phát triển của ý thức. Chính lao động đóng vai trò quyết định trong việc chuyển biến vượn thành người; giúp bộ não phát triển, làm nảy sinh ngôn ngữ.

Trên cơ sở đó, thúc đẩy tư duy trừu tượng phát triển. Như vậy, nguồn gốc trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời, phát triển của ý thức là lao động, đồng thời với lao động là ngôn ngữ.

- Bản chất của ý thức: Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ óc con người một cách năng động và sáng tạo trên cơ sở hoạt động thực tiễn, không phải là sự sao chép đơn giản, máy móc. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Ý thức là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội, ý thức không phải là một hiện tượng tự nhiên, bản năng sinh vật mà chỉ được hình thành trong môi trường xã hội thông qua quá trình nhận thức, quá trình học tập và hoạt động thực tiễn, quan hệ giao tiếp của cá nhân và cộng đồng xã hội.

#### *Quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức*

- Vật chất quyết định ý thức: Ý thức dù có năng động, có vai trò to lớn đến đâu, xét đến cùng bao giờ cũng do vật chất quyết định. Vật chất là tiền đề, là cơ sở và nguồn gốc cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của ý thức. Điều kiện vật chất thế nào thì ý thức như thế đó. Khi cơ sở, điều kiện vật chất thay đổi thì ý thức cũng thay đổi theo. Vật chất quyết định ý thức là quyết định cả nội dung, bản chất và khuynh hướng vận động, phát triển của ý thức.

- Ý thức tác động trở lại vật chất: Vai trò của ý thức đối với vật chất chính là vai trò của con người trong quá trình cải tạo thế giới khách quan. Ý thức tự nó không làm biến đổi gì cả. Ý thức chỉ tác động đến vật chất thông qua hoạt động thực tiễn. Ý thức có tính năng động sáng tạo, cho nên thông qua hoạt động thực tiễn của con người có thể tác động trở lại vật chất bằng cách thúc đẩy hoặc kìm hãm ở một mức độ nào đó các điều kiện vật chất, góp phần cải biến thế giới khách quan.

Ý nghĩa: Để đảm bảo sự thành công của hoạt động nhận thức hay thực tiễn, con người phải luôn xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan. Không nên lấy ý kiến chủ quan của mình làm căn cứ cho lý luận, hành động, dễ dẫn đến sai lầm và thất bại. Mặt khác, cần phải phát huy tính năng động chủ quan, tính sáng tạo của con người, phát huy tác động tích cực của ý thức, không trông chờ, ỷ lại trong nhận thức và hành động cải tạo thế giới.

### *Phép biện chứng duy vật*

Phép biện chứng duy vật do C.Mác và Ph. Ăngghen sáng lập vào những năm 40 của thế kỷ XIX, trên cơ sở kế thừa có phê phán hạt nhân hợp lý trong phép biện chứng Hêghen, sau đó Lênin phát triển trong điều kiện, hoàn cảnh mới và chúng ta kế thừa. Đây là hình thức cao nhất của phép biện chứng. Nó dựa trên những thành tựu mới nhất của khoa học tự nhiên và là hình thức cao nhất của tư duy khoa học hiện đại.

- Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật:

+ Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến: Thế giới có vô vàn các sự vật, hiện tượng nhưng chúng tồn tại trong mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với nhau; tức là chúng luôn luôn tồn tại trong sự quy định lẫn nhau, tác động lẫn nhau và làm biến đổi lẫn nhau. Mặt khác, mỗi sự vật hay hiện tượng của thế giới cũng là một hệ thống, được cấu thành từ nhiều yếu tố, nhiều mặt... tồn tại trong mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau, chi phối và làm biến đổi lẫn nhau.

Ý nghĩa: Khi nhận thức mỗi người phải có quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử - cụ thể, xem xét kỹ các mối liên hệ

bản chất, bên trong sự vật, hiện tượng; cần tránh cách nhìn phiến diện, một chiều, chung chung trong việc nhận thức, giải quyết mọi vấn đề trong thực tiễn cuộc sống và công việc.

+ Nguyên lý về sự phát triển: Mọi sự vật, hiện tượng luôn luôn vận động và phát triển không ngừng. Phát triển là khuynh hướng vận động từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện theo chiều hướng đi lên của sự vật, hiện tượng; là quá trình hoàn thiện về chất và nâng cao trình độ của chúng. Phát triển là khuynh hướng chung của thế giới và nó có tính phổ biến được thể hiện trên mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. Vận động và phát triển không đồng nghĩa như nhau, vận động là mọi biến đổi nói chung, chưa nói lên khuynh hướng cụ thể: đi lên hay đi xuống, tiến bộ hay lạc hậu; còn phát triển là sự vận động theo khuynh hướng đi lên.

Ý nghĩa: Nguyên lý về sự phát triển giúp chúng ta nhận thức sự vật, hiện tượng theo hướng vận động phát triển, tránh được cách nhìn phiến diện với tư tưởng định kiến, bảo thủ. Mỗi thành công hay thất bại được xem xét khách quan, toàn diện để có tư tưởng lạc quan, tin tưởng tìm hướng giải quyết theo hướng tốt lên.

- Ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật:

+ Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập: Đây là một trong 3 quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật duy vật. Nó nói lên nguồn gốc, động lực của sự phát triển. Quy luật này là hạt nhân của phép biện chứng. Mọi sự vật đều chứa đựng những mặt có khuynh hướng biến đổi ngược chiều nhau gọi là những mặt đối lập. Các mặt đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau tạo nên mâu thuẫn biện chứng. Các mâu

thuần biện chứng khác nhau có vai trò không giống nhau đến quá trình vận động, phát triển của sự vật. Mâu thuẫn biện chứng phát triển qua ba giai đoạn: hình thành, hiện hữu và giải quyết. Khi mâu thuẫn biện chứng được giải quyết, sự vật biến đổi và phát triển, cái mới ra đời thay thế cái cũ. Mâu thuẫn biện chứng là nguồn gốc, động lực của sự vận động, phát triển. Phát triển xảy ra trong thế giới một cách tự thân.

Ý nghĩa: Muốn nhận thức được nguồn gốc và bản chất của mọi sự vận động, phát triển thì cần phải nghiên cứu, phát hiện và sử dụng được sự thống nhất và đấu tranh của chúng. Trong nhận thức và thực tiễn phải phát hiện được những mâu thuẫn của sự vật hiện tượng, biết phân loại mâu thuẫn, có các biện pháp để giải quyết mâu thuẫn thích hợp. Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết mâu thuẫn.

+ Quy luật những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại: Nó nói lên cách thức của sự phát triển. Mọi sự vật đều là sự thống nhất giữa lượng và chất trong một giới hạn độ nhất định. Sự thay đổi dần dần về lượng tới điểm nút, vượt qua độ sẽ dẫn đến sự thay đổi về chất của sự vật thông qua bước nhảy. Bước nhảy xảy ra làm cho chất cũ mất đi chất mới ra đời, sự vật cũ tiêu vong sự vật mới xuất hiện. Chất mới ra đời sẽ tác động trở lại làm xuất hiện lượng mới tương ứng với chất mới cao hơn... Quá trình tác động đó diễn ra liên tục làm cho sự vật không ngừng vận động, phát triển.

Ý nghĩa: Con người nhận thức và hoạt động thực tiễn phải tích lũy lượng để thực hiện biến đổi về chất (“tích tiểu thành đại”, “góp gió thành bão”) của các sự vật hiện tượng, khắc phục được khuynh hướng chủ quan, duy ý chí, muốn các bước nhảy

liên tục. Mặt khác, cần khắc phục tư tưởng hữu khuynh, ngại khó khăn, lo sợ không dám thực hiện những bước nhảy vọt khi có đủ điều kiện. Trong hoạt động thực tiễn, cần tích cực chuẩn bị kỹ mọi điều kiện chủ quan. Khi có tình thế, thời cơ khách quan thì kiên quyết tổ chức thực hiện bước nhảy để giành thắng lợi quyết định.

+ Quy luật phủ định của phủ định: Nó nói lên khuynh hướng của sự phát triển. Sự vận động, phát triển của sự vật trải qua các lần phủ định biện chứng và phủ định của phủ định. Bằng phủ định biện chứng, sự vật loại bỏ những yếu tố tiêu cực, lỗi thời; đồng thời lưu giữ, cải tạo những yếu tố tích cực, tiến bộ của cái cũ để biến thành cái mới. Thông qua phủ định của phủ định, sự vật dường như quay trở lại cái cũ nhưng ở một trình độ cao hơn. Sự vận động, phát triển của sự vật diễn ra theo khuynh hướng “xoắn ốc” tiến lên vô tận.

Ý nghĩa: Khi xem xét sự vận động phát triển của sự vật, phải xem xét nó trong quan hệ cái mới ra đời từ cái cũ, cái tiến bộ ra đời từ cái lạc hậu, con người phải tôn trọng tính khách quan, chống phủ định sạch trơn, hoặc kế thừa không có chọn lọc. Mỗi người cần bênh vực, ủng hộ cái mới, tin tưởng vào cái mới tiến bộ. Khi có những bước thoái trào cần xem xét kỹ lưỡng, phân tích nguyên nhân, tìm cách khắc phục để từ đó có niềm tin tưởng vào thắng lợi.

### ***2.1.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử***

#### *Sản xuất và phương thức sản xuất*

- Sản xuất vật chất: Là hoạt động đặc trưng riêng có của con người và xã hội loài người, là phương thức sinh tồn đặc trưng của loài người. Sản xuất vật chất là quá trình con người sử

dụng công cụ lao động (tác động trực tiếp hoặc gián tiếp) vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên, tạo ra của cải xã hội nhằm thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển, nhu cầu phong phú và vô tận của con người.

Sản xuất vật chất chính là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội, bởi lẽ: Sản xuất vật chất là yêu cầu khách quan của sự sinh tồn xã hội. Mọi người trong xã hội đều có nhu cầu tiêu dùng (thức ăn, quần áo, nhà ở và các đồ dùng khác). Muốn vậy, phải sản xuất vật chất, bởi lẽ chính sản xuất vật chất càng phát triển thì mức tiêu dùng của con người và xã hội càng cao và ngược lại. Sản xuất vật chất là cơ sở để hình thành các quan hệ xã hội khác như: quan hệ chính trị, pháp quyền, đạo đức. Sản xuất vật chất là cơ sở cho sự tiến bộ xã hội, là điều kiện để phát triển đời sống tinh thần của con người và xã hội.

- Phương thức sản xuất: Là cách thức mà con người tiến hành sản xuất ra của cải vật chất trong những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người. Phương thức sản xuất quyết định tính chất, kết cấu của xã hội. Bởi lẽ, trong mỗi xã hội cụ thể, phương thức sản xuất thống trị như thế nào thì tính chất của xã hội sẽ như thế đó. Các giai cấp, kết cấu giai cấp và tính chất của các mối quan hệ giữa các giai cấp, cũng như các quan điểm về chính trị, pháp quyền, đạo đức, triết học,... trong một xã hội nhất định đều do phương thức sản xuất thống trị quyết định. Khi phương thức sản xuất mới ra đời thay thế phương thức sản xuất cũ lỗi thời thì sớm hay muộn sẽ có sự thay đổi cơ bản từ kết cấu kinh tế đến kết cấu giai cấp; từ các quan điểm chính trị xã hội đến các tổ chức xã hội... Vì vậy, lịch sử xã hội loài người, trước

hết là lịch sử sản xuất vật chất, của các phương thức sản xuất kế tiếp nhau trong quá trình phát triển.

Ý nghĩa của vấn đề: Khi nghiên cứu mọi hiện tượng xã hội phải đi tìm nguồn gốc phát sinh từ phương thức sản xuất, từ tất yếu kinh tế. Nhận thức đúng vai trò của phương thức sản xuất trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với kinh tế tri thức.

*Những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển xã hội*

- Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất:

+ Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất: Lực lượng sản xuất như thế nào về trình độ thì quan hệ sản xuất phù hợp như thế ấy. Trình độ lực lượng sản xuất thủ công, với công cụ thô sơ có tính chất cá nhân thì phù hợp với nó là quan hệ sản xuất cá thể. Khi trình độ lực lượng sản xuất thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo. Do con người luôn tích lũy sáng kiến và kinh nghiệm, luôn cải tiến công cụ và phương pháp sản xuất nên lực lượng sản xuất luôn phát triển.

Ngày nay, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức kinh tế tri thức phát triển đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Lực lượng sản xuất phát triển đến mức độ nào đó mà quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa nó sẽ cản trở hoặc mâu thuẫn gay gắt với lực lượng sản xuất. Để tiếp tục phát triển, lực lượng sản xuất phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ mới của lực lượng sản xuất.

+ Vai trò tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất: Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì nó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Quan hệ sản xuất không phù hợp thì nó kìm hãm, thậm chí phá vỡ lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất là phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất khi nó tạo ra những tiền đề, những điều kiện cho các yếu tố của lực lượng sản xuất (người lao động, công cụ, đối tượng lao động) kết hợp với nhau một cách hài hòa để sản xuất phát triển và đưa lại năng suất lao động cao. Sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất không phải chỉ thực hiện một lần là xong mà diễn ra cả một quá trình. Mỗi khi sự phù hợp quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất bị phá vỡ là mỗi lần điều chỉnh, thay bằng sự phù hợp khác cao hơn.

Ý nghĩa: Ở đâu có đối tượng lao động thì ở đó cần có người lao động và công cụ lao động tương ứng với trình độ, kỹ năng của người lao động. Phải làm rõ các quan hệ sở hữu, cách thức tổ chức quản lý quá trình sản xuất và các hình thức phân phối phù hợp mới thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

- Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng:

+ Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, bao gồm quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất còn lại của hình thái kinh tế - xã hội trước và quan hệ sản xuất của hình thái kinh tế - xã hội tương lai. Trong ba loại quan hệ sản xuất đó thì quan hệ sản xuất thống trị là chủ đạo, chi phối các quan hệ sản xuất khác và là đặc trưng của cơ sở hạ tầng đó. Cơ sở hạ tầng có

tính giai cấp. *Kiến trúc thượng tầng* là toàn bộ những quan điểm tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, triết học,... và những thiết chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các tổ chức quần chúng,... được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định và phản ánh cơ sở hạ tầng đó.

+ Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng có đặc trưng, quy luật vận động và mối liên hệ riêng với cơ sở hạ tầng và liên hệ tác động lẫn nhau. Trong xã hội có giai cấp, kiến trúc thượng tầng có tính chất giai cấp. Cơ sở hạ tầng thế nào thì kiến trúc thượng tầng xây dựng tương ứng. Quan hệ sản xuất nào thống trị thì tạo ra kiến trúc thượng tầng chính trị tương ứng. Khi cơ sở hạ tầng biến đổi, kiến trúc thượng tầng biến đổi theo. Biến đổi cơ sở hạ tầng, sớm hay muộn cũng dẫn tới biến đổi kiến trúc thượng tầng. Cơ sở hạ tầng cũ mất đi, cơ sở hạ tầng mới ra đời, sớm hay muộn kiến trúc thượng tầng cũ cũng mất đi và kiến trúc thượng tầng mới ra đời. Kiến trúc thượng tầng là lĩnh vực ý thức xã hội có tính chất độc lập tương đối. Khi cơ sở hạ tầng mất đi nhưng các bộ phận của kiến trúc thượng tầng mất theo không đều, có bộ phận vẫn tồn tại, thậm chí nó còn được sử dụng.

+ Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại, bảo vệ cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó. Kiến trúc thượng tầng là tiên tiến khi nó bảo vệ cơ sở hạ tầng tiến bộ và tác động thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển. Kiến trúc thượng tầng bảo thủ, lạc hậu sẽ tác động kìm hãm nhất thời sự phát triển cơ sở hạ tầng; sớm hay muộn nó cũng sẽ thay thế. Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng theo hình thức và mức độ khác nhau, trong đó nhà nước có vai trò quan trọng và có hiệu lực mạnh nhất, vì nhà nước là công cụ quyền lực, hiệu quả của giai cấp thống trị xã hội.

Ý nghĩa: Kinh tế quyết định chính trị, muốn hiểu các hiện tượng, quá trình xã hội phải xem xét cơ sở kinh tế nảy sinh các hiện tượng xã hội đó. Nhưng chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, có khả năng thúc đẩy, phát triển kinh tế.

## **2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

Kinh tế chính trị học Mác - Lênin là kết tinh những thành tựu của kinh tế chính trị học nhân loại được C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin xây dựng, phát triển lên đỉnh cao với học thuyết giá trị thặng dư gắn liền với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh tiến đến giai đoạn độc quyền và chủ nghĩa đế quốc. Lý luận này không chỉ vạch ra mục đích và bản chất của chủ nghĩa tư bản là bóc lột giá trị thặng dư và theo đuổi lợi nhuận tối đa, mà còn chỉ rõ những quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản cùng những mâu thuẫn và khuyết tật cố hữu của nó mà trong phạm vi chủ nghĩa tư bản không thể giải quyết được.

### **2.2.1. Học thuyết giá trị**

*Nội dung cơ bản của học thuyết:* Học thuyết giá trị là xuất phát điểm trong toàn bộ lý luận kinh tế của C.Mác. Bằng việc phân tích hàng hóa, C.Mác vạch ra quan hệ giữa người với người thông qua quan hệ trao đổi hàng hóa, đó chính là lao động, cơ sở của giá trị hàng hóa.

Hàng hóa là sản phẩm của lao động, dùng để thỏa mãn một nhu cầu nhất định nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán. Hàng hóa có hai thuộc tính cơ bản là giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị sử dụng của hàng hóa là công dụng của hàng hóa để

thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. Giá trị sử dụng đó do thuộc tính tự nhiên của vật thể hàng hóa quyết định. Trong kinh tế hàng hóa, giá trị sử dụng là cái mang giá trị trao đổi.

Giá trị trao đổi trước hết biểu hiện như là một quan hệ số lượng, là một tỷ lệ theo đó những giá trị sử dụng loại này được trao đổi với những giá trị sử dụng loại khác. Giá trị của hàng hóa là lượng lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa, còn giá trị trao đổi chỉ là hình thái biểu hiện của giá trị hàng hóa. Sở dĩ giá trị của hàng hóa được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết, vì một loại hàng hóa đưa ra thị trường là do nhiều người sản xuất ra nhưng mỗi người sản xuất do điều kiện sản xuất, trình độ tay nghề là không giống nhau, nên thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hóa của họ khác nhau, do đó lượng giá trị cá biệt của hàng hóa mà từng người sản xuất ra là khác nhau. Để trao đổi hàng hóa đó với nhau, không thể căn cứ vào giá trị cá biệt của hàng hóa mà phải căn cứ vào giá trị xã hội của nó, vào lượng lao động xã hội cần thiết hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.

Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa trong điều kiện bình thường của xã hội, tức là với một trình độ kỹ thuật trung bình và cường độ lao động trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định.

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa. Ở đâu có sản xuất hàng hóa thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị. Trao đổi hàng hóa phải theo nguyên tắc ngang giá, dựa trên cơ sở hao phí sức lao động xã hội cần thiết. Giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự

biểu hiện bằng tiền của giá trị, nên trước hết giá cả phụ thuộc vào giá trị. Hàng hóa nào nhiều giá trị thì giá cả của nó sẽ cao và ngược lại. Tuy nhiên, trên thị trường, ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như cạnh tranh, cung cầu, sức mua của người tiêu dùng... Vì vậy, nó hoàn toàn nằm trong cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

*Ý nghĩa của học thuyết:* Nghiên cứu học thuyết giá trị, hiểu rõ quy luật giá trị sẽ có kiến thức điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa; kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Từ đó, giúp cho chúng ta hiểu rõ nguyên nhân của việc lựa chọn tự nhiên và phân hóa người sản xuất hàng hóa; nguyên nhân của sự phân hóa xã hội thành người giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội để có phương hướng, giải pháp khắc phục

### **2.2.2. Học thuyết giá trị thặng dư**

*Nội dung cơ bản của học thuyết:* Trong thế giới hàng hóa, xuất hiện loại hàng hóa đặc biệt, hàng hóa sức lao động. Khi sức lao động trở thành hàng hóa thì tiền tệ mang hình thái là tư bản trong mối quan hệ giữa nhà tư bản và lao động làm thuê và xuất hiện sự chiếm đoạt giá trị thặng dư. Mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải là giá trị sử dụng, mà là giá trị, cũng không phải là giá trị đơn thuần mà là giá trị thặng dư.

Giá trị hàng hóa sức lao động là toàn bộ những tư liệu sinh hoạt cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động. Giá trị hàng hóa sức lao động bao gồm: giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết đủ để duy trì sức khỏe của người lao động ở trạng thái bình

thường; chi phí đào tạo tùy theo tính chất phức tạp của lao động; giá trị tư liệu sinh hoạt cho những người thay thế, tức con cái của công nhân. Tiền công hay tiền lương là sự biểu thị bằng tiền giá trị sức lao động, hoặc là giá cả của sức lao động.

Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng sức lao động để sản xuất ra một loại hàng hóa nào đó. Trong quá trình lao động, sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó, phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động là giá trị thặng dư.

Trên thực tế, giá trị của hàng hóa sức lao động biểu hiện bằng tiền công, tiền lương của người công nhân làm thuê do người chủ tư bản trả. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động biểu hiện người công nhân chỉ cần dùng một phần ngày lao động để sản xuất ra một khối lượng hàng hóa ngang bằng với chi phí nuôi bản thân và nuôi gia đình mình (tiền công), phần còn lại thì làm không công, tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản, đó là nguồn gốc lợi nhuận, nguồn gốc giàu có của chủ tư bản. Đó cũng là nội dung căn bản nhất của học thuyết giá trị thặng dư.

Mục đích của các nhà tư bản là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa. Họ thường sử dụng hai phương pháp chủ yếu: Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối do kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi. Ví dụ, các nhà tư bản thường sử dụng các biện pháp như kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động, giảm tiền công...

Sản xuất giá trị thặng dư tương đối do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động xã hội,

nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động vẫn như cũ. Biện pháp mà các nhà tư bản thường dùng là áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động xã hội để thu nhiều giá trị thặng dư. Sản xuất ra giá trị thặng dư là quy luật tuyệt đối, là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nội dung của nó là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa bằng cách tăng cường bóc lột công nhân làm thuê.

*Ý nghĩa của học thuyết:* Học thuyết giá trị thặng dư đã bóc trần bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột tư bản chủ nghĩa là tất yếu. Học thuyết giá trị thặng dư còn trang bị cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động công cụ nhận thức các quy luật kinh tế, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều hàng hóa... phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa. Học thuyết giá trị thặng dư là biểu hiện mẫu mực nghiên cứu và vận dụng quan điểm duy vật lịch sử vào sự phân tích các quá trình kinh tế trong xã hội tư bản. Nó cung cấp tri thức về lịch sử phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, là cơ sở khoa học để phân tích nguyên nhân và dự báo chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội.

### **2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Chủ nghĩa xã hội khoa học là đỉnh cao trí tuệ nhân loại được C.Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin xây dựng, phát triển dựa

trên những thành tựu cao nhất của triết học, kinh tế chính trị học, lý luận xã hội chủ nghĩa và khoa học xã hội – nhân văn hiện đại. Đồng thời, đó là sản phẩm tất yếu của sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại đi qua hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa tiến lên hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Vì vậy, chủ nghĩa xã hội khoa học vừa là mục tiêu lý tưởng, vừa là xu thế thời đại và trở thành động lực thôi thúc giai cấp công nhân, các đảng cộng sản và hàng triệu người lao động trên thế giới hành động để biến nó thành hiện thực sinh động.

### ***2.3.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân***

Nội dung quan trọng của lý thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Đây là phạm trù cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học.

*Khái niệm giai cấp công nhân:* Thứ nhất, về phương thức lao động, giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động, trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, có tính chất xã hội hóa cao. Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, người công nhân không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống.

*Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:* Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, những người công nhân sẽ xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

*Về đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân:* Do địa vị kinh tế - xã hội khách quan, giai cấp công nhân có những đặc điểm chính trị- xã hội mà các giai cấp khác không thể có được.

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất hiện đại nhất, gắn với khoa học và công nghệ tiên tiến - xu hướng của xã hội tương lai.

Giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để. Trong xã hội tư bản, họ luôn đi đầu đấu tranh vì không có gì để mất, nếu được thì được tất cả. Trong sản xuất, công nhân luôn đổi mới, cải cách điều kiện làm việc, nâng cao năng suất lao động. Mục đích của họ không chỉ là giải phóng mình mà còn giải phóng toàn bộ xã hội.

Giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao vì họ lao động trong hệ thống sản xuất có tính chất dây chuyền với yêu cầu nghiêm ngặt về kỷ luật lao động và thói quen của lối sống đô thị tập trung, tuân thủ pháp luật nhà nước...

Giai cấp công nhân có tinh thần quốc tế vô sản, vì sản xuất công nghiệp tư bản chủ nghĩa có tính chất quốc tế; lao động của họ có tính chất quốc tế. Chủ nghĩa tư bản là một lực lượng quốc tế. Muốn chiến thắng nó, cần phải có sự đoàn kết quốc tế.

### ***2.3.3. Tiến trình phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa***

- Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao. Giai đoạn đầu là xã hội chủ nghĩa, giai đoạn cao là cộng sản chủ

nghĩa. Trước khi đến từng giai đoạn đó là thời kỳ quá độ biến đổi từ xã hội trước sang xã hội sau.

Để chuyển biến từ xã hội cũ sang xã hội chủ nghĩa cần có thời kỳ nhất định do các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự nảy sinh và phát triển trong lòng xã hội tư bản mà là kết quả của quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chủ nghĩa xã hội dựa trên lực lượng sản xuất phát triển cao, có năng suất hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Muốn vậy cần phải có thời gian để cải tạo nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa phát triển thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; để cho các quan hệ mới trở thành các quan hệ cơ bản, đặc trưng của xã hội mới.

Có hai hình thức quá độ: *Thứ nhất*, quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đây là kiểu quá độ lên chủ nghĩa xã hội của các nước đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Ví dụ nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười quá độ lên chủ nghĩa xã hội. *Thứ hai*, quá độ gián tiếp từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa không qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là kiểu quá độ của những nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Ví dụ: Việt Nam từ 1945 đến nay, Trung Quốc từ 1949 đến nay, Cu Ba từ 1959 đến nay... Vì chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên nền kinh tế của những nước này còn ở trình độ kém phát triển, lạc hậu. Do đó, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đối với những nước này tất yếu sẽ khó khăn hơn, gian khổ hơn và lâu dài hơn so với những nước đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là tồn tại đan xen những yếu tố của xã hội cũ và những nhân tố của xã hội mới. Cái cũ trong các lĩnh vực chính

trị, kinh tế, văn hóa - xã hội chưa xoá bỏ hết, cái mới được xây dựng chưa đầy đủ, còn non yếu. Các yếu tố đó vừa thống nhất, vừa đấu tranh với nhau nên cần có thời gian để giai cấp công nhân và nhân dân lao động lãnh đạo xây dựng toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, con người mới từng bước vững chắc.

- Hai giai đoạn chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản

*Chủ nghĩa xã hội:* Đây là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, là xã hội có những đặc trưng cơ bản: Cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền đại công nghiệp ở trình độ cao, tạo ra năng suất lao động cao hơn hẳn năng suất lao động trong xã hội tư bản. Có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; không còn chế độ người bóc lột người. Cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động trên tinh thần tự giác, tự nguyện. Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và phân phối theo phúc lợi xã hội ngày càng tăng. Là xã hội dân chủ, Nhà nước có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, phát triển toàn diện.

*Chủ nghĩa cộng sản:* Chủ nghĩa Mác - Lênin dự báo về xã hội cộng sản chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản là: Lực lượng sản xuất phát triển rất cao, của cải xã hội trở nên dồi dào, khoa học phát triển, lao động trở thành nhu cầu của con người được giảm nhẹ, “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”. Con người có đầy đủ các điều kiện phát triển năng lực toàn diện. Trình độ xã hội ngày càng phát triển, không còn sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Dân chủ phát triển ở mức độ cao. Những thiết chế chính trị và pháp luật sẽ hoàn toàn mất đi, nhà nước trở thành không cần thiết, nó tự tiêu vong.

### **3. VAI TRÒ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

#### **3.1. Tính đúng đắn, tiến bộ và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin**

Vì hệ tư tưởng của Chủ nghĩa Mác - Lênin là kết quả của sự tổng kết xã hội trên cơ sở kế thừa toàn bộ di sản tư tưởng của nhân loại, nên nó phản ánh đầy đủ và đúng đắn nhất các mối quan hệ vật chất của xã hội ở các giai đoạn của lịch sử xã hội loài người. Vì hệ tư tưởng của Chủ nghĩa Mác - Lênin là tiếng nói của một giai cấp tiến bộ và cách mạng nhất trong lịch sử nhân loại, đó là giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Vì hệ tư tưởng của Chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí sắc bén cho phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động vì mục đích giải phóng sự nô dịch giai cấp, xoá bỏ tình trạng phân chia giai cấp trong xã hội, xoá bỏ sự áp bức bóc lột, sự bất công và bất bình đẳng trong xã hội và do đó giải phóng con người.

Từ năm 1924 đến nay, Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết lý luận với vai trò là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của các đảng cộng sản trên thế giới trong đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các hội nghị quốc tế và các cuộc gặp gỡ của lãnh tụ các đảng cộng sản các nước đã thường xuyên trao đổi kinh nghiệm vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh cách mạng trong điều kiện đặc thù của từng nước.

Trên cơ sở những nguyên lý lý luận phổ biến và cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, các đảng cộng sản và công nhân từng nước vận dụng sáng tạo và cụ thể hóa những quy luật chung và đặc thù, đề ra những nhiệm vụ cụ thể của cách mạng nước mình

để bổ sung và làm phong phú, phát triển lý luận mới. Đó là biểu hiện sáng tạo và sức sống mới về mặt thực tiễn của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

### **3.2. Vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại ngày nay**

Mỗi thời đại lịch sử thường có nhiều học thuyết xã hội tác động, ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội, song có một học thuyết nổi bật, trở thành chủ thuyết phát triển của thời đại. Từ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa Mác - Lênin luôn phát triển trong cuộc đấu tranh với các học thuyết đối lập và nó trở thành chủ thuyết phát triển của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Thực tiễn lịch sử xã hội đã xác nhận, gần hai thế kỷ qua chủ nghĩa Mác - Lênin đã thể hiện được ưu thế vượt trội và sức sống mãnh liệt với bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn trong đời sống xã hội nhân loại. Sự phát triển của khoa học và thực tiễn xã hội nhân loại gần hai thế kỷ qua là minh chứng sinh động, có sức thuyết phục cho bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ở các quốc gia xã hội chủ nghĩa, nhu cầu học tập và nghiên cứu phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là một nhu cầu cấp thiết trong quá trình xây dựng và phát triển xã hội chủ nghĩa trong thời đại mới (nhằm xây dựng đường lối phát triển nền kinh tế - xã hội, xây dựng và bồi dưỡng nhân sinh quan cách mạng, rèn luyện và tu dưỡng đạo đức của con người trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa...).

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân và các đảng cộng sản các nước vẫn kiên trì việc học tập, nghiên cứu và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin như là một vũ khí lý luận nhằm

chống lại chủ nghĩa tư bản. Trong những năm gần đây, ở một số quốc gia tư bản chủ nghĩa thuộc các nước đang phát triển như Vê-nê-zuê-la, Bô-lô-vi-a,... việc học tập và nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin đang trở thành một nhu cầu cần thiết trong việc xác định đường lối phát triển theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa của mình.

Ở Việt Nam, Chủ nghĩa Mác - Lênin cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò là nền tảng tư tưởng khoa học của toàn bộ quá trình cách mạng Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: “phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”; phải “vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận, giải quyết đúng đắn những vấn đề do cuộc sống đặt ra”.

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin là những quan điểm cơ bản, nền tảng và có tính chân lý khoa học bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin. Bởi vậy, sinh viên học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là để hiểu rõ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; nhận thức sâu sắc các quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta từ cơ sở nền tảng của nó là những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam. Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng; vận dụng sáng tạo nó trong hoạt động nhận thức và thực

tiến, trong rèn luyện tư tưởng và đạo đức, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Chính vì vậy, những yêu cầu học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin cần phải theo nguyên tắc thường xuyên gắn kết những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn của đất nước và thời đại; cần phải hiểu đúng tinh thần, thực chất của nó, tránh bệnh kinh viện, giáo điều trong quá trình học tập, nghiên cứu và vận dụng các nguyên lý cơ bản đó trong thực tiễn; học tập nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong mối quan hệ với các nguyên lý khác, mỗi bộ phận cấu thành trong mối quan hệ với các bộ phận cấu thành khác để thấy sự thống nhất phong phú và nhất quán của chủ nghĩa Mác - Lênin; đồng thời, cũng cần nhận thức các nguyên lý đó trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quá trình ra đời và sự phát triển bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin. Liên hệ so sánh với một số học thuyết khác mà Anh/Chị đã biết.

2. Phân tích vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin với cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam. Liên hệ nhận thức và thực tiễn của Anh/Chị để phát huy vai trò đó.

3. Phân tích vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin ở nước ta hiện nay.

## BÀI 2

# KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

## 1. KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

### 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

*Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi. Cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là không có gì quý hơn độc lập tự do.*

Bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống các luận điểm phản ánh những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng Việt Nam. Nguồn gốc tư tưởng - lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin, giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những vấn đề liên quan trực tiếp của cách mạng Việt Nam. Giá trị, ý nghĩa, sức hấp dẫn, sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh là soi đường thắng lợi cho cách mạng Việt Nam; là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

## 1.2. Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

### 1.2.1. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

#### *Bối cảnh thời đại (quốc tế)*

Nguyễn Ái Quốc bước lên vũ đài chính trị vào lúc thế giới xảy ra rất nhiều sự kiện quan trọng.

Từ cuối thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Các nước tư bản đế quốc, bên trong thì tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài thì bành trướng xâm lược và áp bức các dân tộc thuộc địa. Hai chính sách này đã đẩy mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội tư bản lên cao; đồng thời, làm nảy sinh mâu thuẫn mới của thời đại là mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với các dân tộc thuộc địa.

Năm 1914, Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ. Cuộc chiến tranh này gây ra những hậu quả đau thương cho nhân dân các nước, đồng thời cũng đã làm cho chủ nghĩa tư bản suy yếu và mâu thuẫn giữa các nước tư bản đế quốc tăng thêm.

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công đã mở đầu một thời đại mới: “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”. Đối với nước Nga, đó là cuộc cách mạng vô sản, lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập chính quyền Xô viết. Nhưng đây còn là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, vì nhiều dân tộc trong đế quốc Nga được giải phóng, dẫn đến sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết vào năm 1922.

Năm 1919, Quốc tế cộng sản được thành lập. Sự kiện cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và Quốc tế cộng sản thành lập

đã tạo tiền đề thúc đẩy sự phát triển của phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa.

Như vậy, hoàn cảnh lịch sử ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự vận động, phát triển của tư tưởng yêu nước Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; là sự gặp gỡ giữa trí tuệ mẫn cảm, thiên tài của Hồ Chí Minh với trí tuệ thời đại - chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ sự tiếp thu nhận thức ban đầu, trong quá trình hoạt động cách mạng, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển những quan điểm mới, tạo thành hệ thống tư tưởng của Người.

### *Bối cảnh Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*

Hồ Chí Minh sinh ra và trưởng thành trong một gia đình nhà Nho có truyền thống yêu nước: Cha là một nhà Nho cấp tiến có tư tưởng lấy dân làm gốc. Tấm gương hiếu học, vượt khó, nếp sống giản dị thanh bạch, yêu nước thương dân của Ông là những nhân tố tác động mạnh đến việc hình thành nhân cách Hồ Chí Minh; mẹ của Người là người phụ nữ Việt Nam tiêu biểu. Tấm gương chịu thương, chịu khó, tần tảo, thủy chung, hy sinh cả cuộc đời cho chồng, con của Bà là một trong những cội nguồn tư tưởng giải phóng phụ nữ của Hồ Chí Minh; anh trai và chị gái của Người không chỉ là những nhà Nho mà còn là những người hoạt động cách mạng sôi nổi đã từng bị tù đày nhưng luôn giữ tinh thần kiên trung. Họ là những tấm gương yêu nước, thương dân trong hành trình cách mạng của Hồ Chí Minh.

Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) và Hiệp định Patơnôt (1884) được ký kết, xã hội Việt Nam trở thành xã

hội thuộc địa nửa phong kiến, thừa nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Việt Nam. Cuối thế kỷ XIX, các cuộc khởi nghĩa vũ trang dưới khẩu hiệu “Cần vương” do các văn thân, sỹ phu lãnh đạo cuối cùng cũng thất bại. Hệ tư tưởng phong kiến đã lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử.

Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam đã làm cho xã hội Việt Nam có sự phân hóa giai cấp - xã hội sâu sắc. Tạo tiền đề bên trong cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX. Đầu thế kỷ XX, các phong trào vũ trang kháng chiến chống Pháp rầm rộ, lan rộng ra cả nước nhưng đều thất bại (Chủ trương cầu viện, dùng vũ trang khôi phục độc lập của Phan Bội Châu; chủ trương “ý Pháp cầu tiến bộ” khai thông dân trí, nâng cao dân trí,.. trên cơ sở đó mà dần dần tính chuyện giải phóng của Phan Chu Trinh; khởi nghĩa nặng cốt cách phong kiến của Hoàng Hoa Thám; khởi nghĩa theo khuynh hướng tư sản của Nguyễn Thái Học). Phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn đi đến thắng lợi, phải đi theo con đường mới. Sự xuất hiện tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu, đáp ứng nhu cầu lịch sử của cách mạng Việt Nam.

### ***1.2.2. Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh***

#### *Truyền thống văn hóa dân tộc*

Dân tộc Việt Nam trong hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã tạo cho mình một nền văn hóa riêng, phong phú và bền vững với những truyền thống tốt đẹp và cao quý. Đó là ý thức chủ quyền quốc gia dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, yêu nước, kiên cường, bất khuất,... tạo thành động lực mạnh mẽ của đất nước; là tinh thần tương thân, tương ái, nhân nghĩa, cố kết

cộng đồng dân tộc; thủy chung, khoan dung, độ lượng; thông minh, sáng tạo, quý trọng hiền tài, tiếp thu tinh hoa nhân loại để làm phong phú văn hóa dân tộc... Trong nguồn giá trị tinh thần truyền thống đó, chủ nghĩa yêu nước là cốt lõi, là dòng chảy chính của tư tưởng văn hóa truyền thống Việt Nam, xuyên suốt trường kỳ lịch sử, là động lực mạnh mẽ cho sự trường tồn và phát triển của dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước là tình cảm thiêng liêng, cao quý, là cội nguồn sáng tạo, là chuẩn mực đạo đức dân tộc để Hồ Chí Minh tiếp thu, kế thừa và tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc. “Lúc đầu chính là chủ nghĩa yêu nước chứ chưa phải là chủ nghĩa cộng sản đã giúp tôi theo Lênin và đi theo Quốc tế III”<sup>5</sup>.

#### *Tinh hoa văn hóa nhân loại*

Tiếp thu tư tưởng và văn hóa phương Đông: Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng của Nho giáo, Phật giáo, tư tưởng triết học phương Đông (Lão Tử, Mặc Tử, Quán Tử...) và các tư tưởng tiên bộ khác của văn hóa phương Đông. Đối với văn hóa phương Đông, cùng với những hiểu biết uyên bác về Hán học, Hồ Chí Minh biết chắt lọc lấy những gì tinh túy nhất trong các học thuyết triết học, hoặc trong tư tưởng của Nho giáo, Phật giáo, của Tôn Trung Sơn... Đối với văn hóa phương Tây, Người sớm làm quen với văn hóa Pháp, tìm hiểu các cuộc cách mạng ở Pháp và Mỹ. Người trực tiếp đọc và tiếp thu các tư tưởng về tự do, bình đẳng qua các tác phẩm của các nhà khai sáng như: Voltaire, Rousseau, Montesquieu... Người còn tiếp thu các giá trị của bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của đại cách mạng Pháp 1789; các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 10*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.127.

mưu cầu hạnh phúc của *Tuyên ngôn độc lập* ở Mỹ năm 1776. Nói tóm lại, trên tiến trình cứu nước, Hồ Chí Minh đã tự biết làm giàu vốn trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây, vừa tiếp thu, vừa chọn lọc để từ tầm cao tri thức nhân loại mà suy nghĩ, lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.

*Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp, quyết định bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh*

Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tư tưởng của Người góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên giành độc lập, tự do. Người khẳng định: “Chủ nghĩa Mác - Lênin đối với chúng ta,... là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội...”.

Chủ nghĩa Mác - Lênin với mục tiêu có giá trị nhân văn: giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Không những vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin còn vạch ra con đường, lực lượng và phương pháp để đạt được mục tiêu, từ đó mang lại cho con người cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc. Đây là khát vọng rất tự nhiên của con người.

Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp thu bản chất khoa học và cách mạng của học thuyết, vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện đặc thù của nước ta, giải quyết thành công những vấn đề cơ bản, cấp bách của cách mạng Việt Nam, khẳng định con đường cứu nước duy nhất là cách mạng vô sản. Người cũng chỉ rõ vai trò của Chủ nghĩa Mác - Lênin: Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất,

cách mạng nhất, chắc chắn nhất là chủ nghĩa Lênin. Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh chính là “chủ nghĩa Mác - Lênin” của Việt Nam.

### *Phẩm chất cá nhân Hồ Chí Minh*

Các nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh được biểu hiện: Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo khả năng phê phán tinh tường sáng suốt không dễ bị đánh lừa bởi cái vỏ hào nhoáng bên ngoài của chủ nghĩa tư bản. Khả năng hấp thụ, xử lý, chuyển hóa tri thức của nhân loại thành trí tuệ và kinh nghiệm đấu tranh của bản thân phù hợp với cốt cách của người Á Đông, người Việt Nam, không thỏa hiệp vô nguyên tắc, không làm biến chất tư tưởng gốc. Khả năng đưa những tri thức thu nhận được vào trong quần chúng nhân dân, trước hết là vào những lớp người tiên tiến nhất trong dân tộc, thực hiện bước chuyển từ người đi tìm đường cứu nước trở thành người dẫn đường. Ở Việt Nam, có nhiều người đi tìm đường cứu nước, song chỉ có Hồ Chí Minh sớm tìm ra con đường cứu nước đúng đắn nhất và trở thành người dẫn đường cho dân tộc ta. Tâm hồn của một nhà yêu nước chân chính, một chiến sỹ cộng sản nhiệt tình cách mạng, thương dân, tin tưởng vào nhân dân, sẵn sàng chịu đựng những hi sinh cao nhất vì độc lập của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

*Tóm lại*, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm tổng hòa những điều kiện khách quan và chủ quan, của truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Cùng với thực tiễn dân tộc và thời đại được Hồ Chí Minh tổng kết, chuyển hóa sắc sảo, tinh tế với một phương pháp khoa học, biện chứng, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành tư tưởng Việt Nam hiện đại.

### **1.3. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh**

*Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước*

Đây là thời kỳ đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với việc hình thành tư tưởng yêu nước, chí hướng cách mạng của Hồ Chí Minh. Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nước mất, nhà tan. Xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước, từ thuở nhỏ, Hồ Chí Minh đã được tiếp nhận truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, nền văn hiến của nước nhà và những tinh hoa văn hóa phương Đông. Người lại được hưởng nền giáo huấn “yêu nước, thương nòi” của gia đình, truyền thống đấu tranh bất khuất của đất Lam Hồng. Đây cũng là thời kỳ bọn thực dân Pháp khai thác thuộc địa Đông Dương và ra sức đàn áp các phong trào yêu nước. Sự thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ đã cho Nguyễn Tất Thành thấy muốn cứu nước phải tìm một con đường mới.

Chính truyền thống quê hương và gia đình đã hình thành ở người thanh niên Nguyễn Tất Thành lòng yêu nước, hoài bão cứu nước, lòng nhân ái, thương người, nhất là người nghèo khổ, tha thiết bảo vệ những truyền thống của dân tộc, ham học hỏi những tư tưởng tiến bộ của nhân loại.

*Thời kỳ từ năm 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc*

Để thực hiện hoài bão của mình, anh Nguyễn đã đi và sống ở nhiều nước thuộc châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, tận mắt chứng kiến cuộc sống bị bóc lột, bị đàn áp của nhân dân các nước thuộc địa và cũng đã trực tiếp tìm hiểu đời sống của nhân

dân lao động các nước tư bản. Anh rút ra kết luận: trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột và chỉ có một mối tình hữu ái - tình hữu ái vô sản là thật mà thôi. Tháng 7/1911, Hồ Chí Minh đến Pháp. Tiếp đó, Người đến nhiều nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh và các nước đế quốc như Anh, Mỹ, Pháp để nghiên cứu và tìm đường cứu nước, cứu nhân loại. Năm 1919, Người cùng với một số nhà yêu nước Việt Nam thảo *Yêu sách 8 điểm* gửi Hội nghị Vécxây đòi quyền tự do dân chủ cho người Việt Nam. Bản yêu sách không được Hội nghị xem xét, nhưng tên gọi Nguyễn Ái Quốc và nội dung *Yêu sách* đã gây một tiếng vang lớn. Người cũng đã khảo sát và tìm hiểu cuộc cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ, tham gia Đảng Xã hội Pháp (1919), tìm hiểu Cách mạng tháng Mười Nga.

Sau gần mười năm tìm tòi, nghiên cứu, học tập và hoạt động thực tiễn, tháng 7/1920, Người tiếp cận với “Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin, Người kết luận: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”<sup>6</sup>. Tháng 12/1920, Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Hồ Chí Minh cùng với những đảng viên tiên tiến đã biểu quyết gia nhập Quốc tế cộng sản. Người tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động cách mạng của Người.

*Thời kỳ từ năm 1921 - 1930: Thời kỳ này Hồ Chí Minh có những hoạt động rất tích cực và đầy hiệu quả cả trên bình diện*

---

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, tập 9*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.314.

*thực tiễn và lý luận, góp phần hình thành tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam*

Một người sẽ trở thành nhà tư tưởng khi người đó đi trước phong trào tự phát của quần chúng, chỉ đường cho quần chúng, vạch ra đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng và xây dựng cho quần chúng một tổ chức cách mạng (Lênin). Thông qua một loạt các cuộc tiếp xúc, các hoạt động xã hội phong phú, các cuộc hội thảo nghiên cứu sâu về chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tích lũy cho mình một số vốn tri thức cách mạng hết sức phong phú. Từng bước hình thành ở Người tư tưởng đúng đắn: Giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp vô sản và các dân tộc thuộc địa, giải phóng nhân loại. Cũng từ đó, lý luận chiến lược, sách lược của cách mạng vô sản ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến đã từng bước được hình thành. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam được thể hiện thông qua hàng loạt các bài viết, các tác phẩm và đặc biệt là thông qua các văn kiện *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt...* do Hồ Chí Minh soạn thảo và được Hội nghị hợp nhất 3 Đảng Cộng sản ở Việt Nam thông qua ngày 3/2/1930.

Từ khi trở thành chiến sĩ cộng sản, Người đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, chuẩn bị tích cực cho việc thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam như cho xuất bản *báo Người cùng khổ* (1922), *Bản án chế độ Thực dân Pháp* (1925), *báo Thanh niên* (1925 - 1927), *Đường Kách Mệnh* (1927)... Từ ngày 3 - 7/2/1930, Hồ Chí Minh trực tiếp chủ trì hội nghị thành lập Đảng, thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

*Thời kỳ từ 1931 - 1941: Thời kỳ Người gặp những thử thách và kiên trì giữ vững quan điểm tư tưởng của mình về đấu tranh giải phóng dân tộc*

Do không nắm được tình hình thực tế của các thuộc địa ở phương Đông và Việt Nam, lại bị chi phối bởi quan điểm “tả khuynh” đang tồn tại, quốc tế cộng sản đã chỉ trích và phê phán đường lối của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất. Hội nghị Trung ương tháng 10/1930, Đảng ta đã ra nghị quyết thủ tiêu chánh cương và sách lược văn tắt, đổi tên Đảng cộng sản Việt Nam thành Đảng cộng sản Đông Dương. Trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới mới, Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản (8/1935) đã tự phê bình về khuynh hướng “tả”, cô độc, biệt phái và Đại hội thành lập Mặt trận dân chủ chống phát xít. Năm 1936, Đảng ta tự phê bình biểu hiện “tả khuynh” trước đây, thừa nhận chánh cương, sách lược văn tắt của Hồ Chí Minh.

*Thời kỳ từ 1941 – 1969: Thời kỳ Người về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng*

Cuối tháng 9/1938, Quốc tế cộng sản quyết định điều động Hồ Chí Minh về công tác ở Đông Dương. Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, Người trực tiếp chỉ đạo Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương khóa I đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn nữa, tạm thời gác lại khẩu hiệu cách mạng điền địa, xoá bỏ vấn đề Liên bang Đông Dương, lập ra Mặt trận Việt Minh, thực hiện đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công nông, đưa tới thắng lợi của cách mạng tháng Tám. Đó cũng là thắng lợi đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày 2/9/1945, Người thay mặt quốc dân đọc *Tuyên ngôn độc lập* tại quảng trường Ba Đình. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch nước và tư tưởng cách mạng và khoa học của Người được thể chế bằng Hiến pháp và pháp luật hiện hành của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946). Không bao lâu, nước nhà lâm vào cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”, Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp với tư tưởng: vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Dân ta làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Hòa bình lập lại, nhưng đất nước tạm thời bị chia cắt. Đảng ta đã xác định kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam là đế quốc Mỹ và vạch ra đường lối cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: miền Nam thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ, miền Bắc thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa không kinh qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa.

Năm 1965, trước nguy cơ thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển qua thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Chúng đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam, tăng cường phá hoại miền Bắc. Trước tình hình này, Hồ Chí Minh khẳng định: “... Không có gì quý hơn độc lập tự do.”. Trước khi qua đời, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta bản *Di chúc* thiêng liêng. Trong *Di chúc*, Người đã nói lên niềm tin tất thắng ở sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta, tổng kết sâu sắc những bài học đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đồng thời đề ra những phương sách lớn để xây dựng lại đất nước sau chiến tranh. Bản *Di chúc* là những lời căn dặn cuối cùng đầy tâm huyết, thấm đượm tình người của Chủ tịch Hồ Chí Minh - một di sản vô cùng quý báu của dân tộc và nhân loại.

*Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối cách mạng đúng đắn, ngọn cờ bách chiến bách thắng của cách mạng Việt Nam.*

## **2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

### **2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại**

*Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội thể hiện sự nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh, được thống nhất trong cả lý luận và hoạt động thực tiễn, phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng của Người: nước ta được độc lập, dân ta được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn liền nhau là quy luật vận động và phát triển của các dân tộc trong thời đại hiện nay.

Độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, trước hết, là cơ sở tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc tạo tiền đề, điều kiện để nhân dân lao động tự quyết định con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Chủ nghĩa xã hội là con đường củng cố vững chắc độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc một cách hoàn toàn triệt để. Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao giờ cũng gắn liền với đời sống ấm no, hạnh phúc của quần chúng nhân dân, những người đã trực tiếp làm

nên thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ. Để đảm bảo vững chắc độc lập dân tộc, để không rơi vào lệ thuộc, đói nghèo lạc hậu, chặng đường tiếp theo chỉ có thể là đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*

Người xác định tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là để tạo ra sức mạnh vô tận nhằm lấy nhỏ thắng lớn trong chống đế quốc xâm lược, từ nghèo nàn lạc hậu đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua sự phát triển của tư bản chủ nghĩa. Nội dung tư tưởng đó được người nêu rõ:

*Thứ nhất*, cách mạng Việt Nam là một bộ phận trong cách mạng thế giới, ai làm cách mạng thế giới đều là đồng chí của Việt Nam cả, điều đó phân biệt được bạn gần, bạn xa và kẻ thù trên thế giới.

*Thứ hai*, phải gắn kết chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong thời đại hiện nay để từ đó mới giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp một cách triệt để, Hồ Chí Minh phê phán chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa dân tộc nước lớn, đề cao và giữ vững chủ nghĩa quốc tế vô sản, bảo vệ khối đoàn kết của cách mạng thế giới.

*Thứ ba*, phải giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, nhưng không quên thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình, Người nêu rõ, muốn người ta giúp cho trước hết phải tự giúp mình, một dân tộc không tự lực cánh sinh mà ngồi chờ các dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập. Mặt khác, Người không coi nhẹ sự giúp đỡ chí tình của anh em và bạn bè

quốc tế. Mỗi bước tiến của cách mạng Việt Nam đều bao hàm cả thực hiện nghĩa vụ quốc tế, giúp đỡ bạn bè cũng chính là tự giúp mình.

*Thứ tư*, phải mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước dân chủ; thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là cơ sở và điều kiện quan trọng để Việt Nam có thể giành độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Có thể nói, đây là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh, là một vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh không chỉ giải quyết điều đó về lý luận mà còn tổ chức thực tiễn đạt kết quả cao.

## **2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân**

### *Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ*

“Dân là chủ” là muốn nói đến vị thế, quyền lực của dân trong bộ máy nhà nước; vai trò của nhân dân trong sự phát triển xã hội. Dân phải ở địa vị cao nhất của đất nước. Người nói: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”<sup>7</sup>.

“Dân làm chủ” là đề cập đến năng lực và trách nhiệm của nhân dân. “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”<sup>8</sup>.

Tuy Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền nhưng phải luôn lấy dân làm gốc. Nghĩa là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo nhưng phải luôn để cho dân làm chủ và dân là chủ. Hai vế của mệnh đề

<sup>7</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 7*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.434.

<sup>8</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 9*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.382.

luôn đi đôi với nhau, thể hiện vị trí, vai trò, quyền và trách nhiệm của nhân dân.

Quan niệm đó của Hồ Chí Minh phản ánh đúng nội dung bản chất quan niệm dân chủ chung trên thế giới được hình thành từ xa xưa: quyền hành và lực lượng đều thuộc về nhân dân. Xã hội nào bảo đảm cho điều đó được thực thi thì đó là một xã hội thực sự dân chủ.

*Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân*

Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động. Hồ Chí Minh khẳng định: Nhà nước ta là nhà nước dân chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Chính quyền của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Nhà nước dân chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Cơ sở xã hội của Nhà nước là toàn dân tộc. Nền tảng của Nhà nước là liên minh công nhân, nông dân, lao động trí óc dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

- Nhà nước của dân: Mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Mọi công việc của Nhà nước do nhân dân quyết định. Nhân dân có quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước. Trong Nhà nước, dân là chủ và dân làm chủ. Dân được hưởng mọi quyền dân chủ.

- Nhà nước do dân: Nhà nước đó do dân lập nên. Đại biểu Nhà nước do nhân dân lựa chọn. Nhà nước đó do dân ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế để Nhà nước chi tiêu, hoạt động. Nhà nước muốn điều hành, quản lý xã hội có hiệu lực, hiệu quả phải dựa vào dân. “Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân...”<sup>9</sup>.

---

<sup>9</sup> Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, tập 5*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.65.

- Nhà nước vì dân: Là Nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần, kiệm, liêm, chính. Trong Nhà nước, mọi chủ trương chính sách, mọi quy định của pháp luật, pháp lệnh đều phải xuất phát từ lợi ích của dân. Phải kết hợp hài hòa cả lợi ích trước mắt và lâu dài; cả lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội. Là Nhà nước thực sự của dân, do dân tổ chức, xây dựng và kiểm soát. Trong quan hệ giữa Chính phủ với nhân dân, Hồ Chí Minh xác định: dân là chủ, Chính phủ vừa là đầy tớ, vừa là người lãnh đạo, hướng dẫn nhân dân.

### **2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân**

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng. Theo Người, đại đoàn kết không đơn thuần là phương pháp tập hợp lực lượng cách mạng, mà đó là *mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của cách mạng*. Đại đoàn kết dân tộc là một vấn đề có tính đường lối, một chính sách nhất quán chứ không thể là một thủ đoạn chính trị.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người bao gồm:

- Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Đoàn kết trước hết tạo ra sức mạnh to lớn, khi đã hợp lực lại thì “khó trăm lần dân liệu cũng xong”, dân vừa là lực lượng vật chất, vừa là sức sáng tạo của trí tuệ. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết, được Người nêu thành chân lý, được thử thách và khẳng định trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

- Đoàn kết là mục tiêu là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng và của dân tộc. Trong mọi chủ trương, đường lối, chính

sách của Đảng phải quán triệt tư tưởng đại đoàn kết, đó là mục tiêu và nhiệm vụ đầu tiên; đại đoàn kết toàn dân tộc còn là sự nghiệp của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng.

- Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân, bao gồm tất cả các giai cấp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, cá nhân yêu nước; đoàn kết toàn Đảng và đoàn kết quốc tế. Điểm tương đồng về lợi ích là cơ sở của đoàn kết, đó là lợi ích của quốc gia dân tộc gắn chặt với lợi ích của nhân dân; đặt lợi ích của dân tộc cao hơn hết thảy.

- Đại đoàn kết dân tộc được tổ chức trong mặt trận dân tộc thống nhất. Đây là hình thức tổ chức thích hợp nhất để đoàn kết nhân dân; trong đó phải sử dụng phương pháp giáo dục thuyết phục, vận động là chủ yếu; hiệp thương; đấu tranh phê bình trên tinh thần dân chủ là hình thức sinh hoạt của mặt trận. Mặt trận dân tộc thống nhất chính là hình thức tổ chức đội quân chính trị của quần chúng.

- Đảng Cộng sản vừa là thành viên vừa là lực lượng lãnh đạo mặt trận, phải đoàn kết toàn đảng để làm nòng cốt đoàn kết trong mặt trận. Đảng lãnh đạo mặt trận là nguyên tắc hàng đầu trong xây dựng mặt trận; cùng với đó phải biết dựa trên khối công nhân liên minh với nông dân và tầng lớp trí thức vững chắc để phát huy sức mạnh toàn dân nhằm thực hiện mục tiêu cách mạng.

#### **2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân**

*Về kinh tế:* Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ nhiệm vụ quan trọng nhất đó là phải phát triển kinh tế, xây dựng nền tảng vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Về cơ cấu kinh tế, trong quá trình công nghiệp hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phát triển cả công nghiệp và nông nghiệp: “Công nghiệp và nông nghiệp là như hai chân của nền kinh tế nước nhà. Chân phải thật vững thật khỏe, thì kinh tế mới tiến bộ thuận lợi và nhanh chóng”<sup>10</sup>.

Về hình thức sở hữu và thành phần kinh tế: Nền kinh tế XHCN phải tạo lập trên cơ sở chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, ở thời kỳ quá độ, nền kinh tế đó còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính là: sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác xã, sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư bản. Cùng với đó là nhiều thành phần kinh tế.

Tăng gia sản xuất phải đi đôi với thực hành tiết kiệm trong sản xuất, trong tiêu dùng, thời gian, sức lao động. Đồng thời, phải chống tham ô, lãng phí, quan liêu là những “giặc nội xâm”, đồng minh với giặc ngoại xâm. Người chỉ rõ: “Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là con đường đi đến xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, xây dựng hạnh phúc cho nhân dân. Tăng gia là tay phải của hạnh phúc, tiết kiệm là tay trái của hạnh phúc”<sup>11</sup>.

Tư tưởng kinh tế rất đặc trưng Hồ Chí Minh, đó là cần kiệm xây dựng nước nhà, tăng gia sản xuất và tiết kiệm, sản xuất đi đôi với tiết kiệm, sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống.

*Về văn hóa:* Hồ Chí Minh đã nhận thấy rõ vị trí đặc biệt quan trọng và ý nghĩa lớn lao của văn hóa là động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nhiệm vụ xây dựng “một

<sup>10</sup> Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 8*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.84.

<sup>11</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 14*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.311.

nền văn hóa mới” và chỉ rõ tính chất, đặc trưng và chức năng chủ yếu của nền văn hóa đó. Văn hóa bao gồm nhiều lĩnh vực rộng lớn và phong phú, bao gồm văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức, văn hóa giáo dục, văn hóa nghệ thuật, văn hóa pháp luật, văn hóa lao động, đời sống văn hóa cụ thể, văn hóa lối sống...

Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Toàn dân tham gia sáng tạo văn hóa, toàn dân làm nghĩa vụ và đóng góp cho sự phát triển văn hóa, toàn dân tham gia xây dựng và tự quản đời sống văn hóa của mình và toàn dân được quyền hưởng thụ, tiếp nhận, lưu giữ và truyền bá văn hóa tốt đẹp, lành mạnh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa đã và đang là những định hướng lớn cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của chúng ta hiện nay.

## **2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư**

*- Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*

Đạo đức là gốc của người cách mạng, muốn làm cách mạng phải lấy đạo đức làm gốc. Người viết: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”<sup>12</sup>.

Đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, như ngọn nguồn của sông suối. Người viết: “Cũng

---

<sup>12</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 9*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.283.

như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>13</sup>.

Đạo đức cách mạng là chỗ dựa giúp cho con người vững vàng trong mọi thử thách. Người viết: “Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước,... khi gặp thuận lợi và thành công vẫn giữ được tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thân, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa”.

Đối với Đảng, đội tiên phong của giai cấp công nhân, Người yêu cầu phải xây dựng Đảng ta thật trong sạch, Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”. Trong bản *Di chúc* bất hủ, Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>14</sup>.

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay:

*Trung với nước, hiếu với dân*

Người cho rằng: Trung với nước phải gắn liền với hiếu với dân. Vì nước là nước của dân, còn dân lại là chủ nhân của

---

<sup>13</sup> Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, tập 5*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.252 – 253.

<sup>14</sup> Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập, tập 12*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.510.

nước; bao nhiêu quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, cán bộ là đầy tớ chứ không phải là “quan cách mạng”. Trung với nước là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước; là suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng. Hiếu với dân thể hiện ở chỗ thương dân, tin dân, phục vụ dân hết lòng. Để làm được như vậy, phải gần dân, kính trọng và học tập nhân dân, phải dựa vào dân và lấy dân làm gốc. Đối với cán bộ lãnh đạo, Hồ Chí Minh yêu cầu phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, thường xuyên quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân khí.

*Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là cái cốt lõi của đạo đức cách mạng*

Đây cũng là những khái niệm cũ trong đạo đức truyền thống dân tộc, được Hồ Chí Minh lược bỏ những nội dung không phù hợp và đưa vào những nội dung mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng. *Cần* là siêng năng, chăm chỉ, lao động có kế hoạch, có hiệu quả, có năng suất cao với tinh thần tự lực cánh sinh. *Kiệm* là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của dân, của nước, của bản thân mình, tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ... *Liêm* là luôn tôn trọng của công và của dân. Phải “trong sạch, không tham lam” tiền của, địa vị, danh tiếng. *Chính* là thẳng thắn, đúng đắn. Người đưa ra một số yêu cầu: Đối với mình - không được tự cao, tự đại, tự phụ, phải khiêm tốn học hỏi, phát triển cái hay, sửa chữa cái dở của mình. Đối với người - không nịnh người trên, không khinh người dưới, thật thà, không dối trá. Đối với việc - phải để việc công lên trên, lên trước, việc thiện nhỏ mấy cũng làm, việc ác, nhỏ mấy cũng tránh.

Đối với một quốc gia, cần, kiệm, liêm, chính là thước đo sự giàu có về mặt vật chất, vững mạnh về tinh thần, thể hiện sự văn minh tiến bộ. Cần, kiệm, liêm, chính còn là nền tảng của đời sống mới, của các phong trào thi đua yêu nước. *Chí công vô tư* là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị; làm việc gì cũng không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì dân tộc, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ” (tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc). *Chí công vô tư* là nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ chủ nghĩa cá nhân.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư có quan hệ mật thiết với nhau: cần và kiệm như hai chân của con người nên phải đi đôi với nhau. Người coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức của con người, thiếu một đức thì không thành người, như trời có 4 mùa, đất có 4 phương. Cần, kiệm, liêm, chính dẫn đến chí công vô tư, ngược lại đã có chí công vô tư, một lòng vì nước vì dân thì nhất định sẽ thực hiện được 4 đức tính kia và có được nhiều tính tốt khác. Nếu rèn luyện được các đức tính này thì mỗi người sẽ vượt qua được chủ nghĩa cá nhân, vững vàng trước khó khăn, thử thách.

### *Yêu thương con người*

Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người rất toàn diện và độc đáo: Người coi con người là vốn quý nhất, suy cho cùng thì ở đời và làm người càng phải yêu nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ. Hồ Chí Minh đã xác định tình yêu thương con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người dành tình yêu thương rộng lớn cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột, Người viết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước

ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>15</sup>. Hồ Chí Minh yêu thương đồng bào, đồng chí của Người, không phân biệt họ ở miền xuôi hay miền ngược, là trẻ hay già, trai hay gái,... không phân biệt một ai, không trừ một ai, hễ là người Việt Nam yêu nước thì đều có chỗ trong tấm lòng nhân ái của Người. Trong *Di chúc*, Người căn dặn Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên luôn luôn chú ý đến phẩm chất yêu thương con người.

### *Có tinh thần quốc tế trong sáng*

Hồ Chí Minh đề cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, đó là tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước; là tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với tất cả những người tiên bộ trên thế giới vì những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là hợp tác và hữu nghị theo tinh thần: bốn phương vô sản, bốn bể đều là anh em. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã dày công xây đắp tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Đã tạo ra một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, nhằm kiến tạo một nền văn hóa hòa bình cho nhân loại.

- Quan điểm Hồ Chí Minh về nguyên tắc rèn luyện đạo đức

### *Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức*

Nói đi đôi với làm trước hết là sự nêu gương tốt. Sự làm gương của thế hệ đi trước với thế hệ đi sau, của lãnh đạo với

---

<sup>15</sup>Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.161-162.

nhân viên,... là rất quan trọng. Người yêu cầu, cha mẹ làm gương cho các con, anh chị làm gương cho em, ông bà làm gương cho con cháu, lãnh đạo làm gương cho cán bộ, nhân viên... Đảng viên phải làm gương trước quần chúng. Người nói: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ yêu mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình làm phải mực thước cho người ta bắt chước”.

### *Xây đi đôi với chống*

Cùng với việc xây dựng đạo đức mới, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện phi đạo đức, xấu xa, trái với những yêu cầu của đạo đức mới, đó là “chủ nghĩa cá nhân”. Xây đi đôi với chống là muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải chống chủ nghĩa cá nhân.

Xây dựng đạo đức mới trước hết phải được tiến hành bằng giáo dục, từ gia đình đến nhà trường, tập thể và toàn xã hội. Những phẩm chất chung nhất phải được cụ thể hóa sát hợp với các tầng lớp, đối tượng. Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa các phẩm chất đạo đức cơ bản đối với từng giai cấp, tầng lớp, lứa tuổi và nhóm xã hội. Trong giáo dục, vấn đề quan trọng là phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh của mọi người, để mọi người nhận thức được và tự giác thực hiện. Trong đấu tranh chống lại cái tiêu cực, lạc hậu trước hết phải chống chủ nghĩa cá nhân, phải phát hiện sớm, phải chú ý phòng ngừa, ngăn chặn.

Để xây dựng và chống cần phát huy vai trò của dư luận xã hội, tạo ra phong trào quần chúng rộng rãi, biểu dương cái tốt,

phê bình cái xấu. Người đã phát động cuộc thi đua “ba xây, ba chống”, viết sách *Người tốt, việc tốt* để tuyên truyền, giáo dục về đạo đức, lối sống.

### *Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời*

Người cũng khẳng định đạo đức không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, không phải trên trời sa xuống, mà đạo đức là do con người tiếp thu được qua giáo dục, tự tu dưỡng và bền bỉ rèn luyện trong môi trường sống và trong đấu tranh cách mạng. Rèn luyện đạo đức là một quá trình rất gian khổ, phải xác định tư tưởng, kiên trì, tự giác, tự nguyện, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình. Muốn rèn luyện đạo đức phải lấy tự mình làm mực thước; phải nêu tấm gương tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau; gắn với việc rèn luyện đạo đức với thực tiễn công tác của mình; phải rèn luyện thường xuyên, liên tục và suốt đời.

## **2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau**

### *Giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ một cách toàn diện*

Theo Hồ Chí Minh, chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ phải toàn diện; chú trọng đủ các mặt: lý tưởng, chí khí, đạo đức cách mạng; trình độ học vấn, khoa học, kỹ thuật, quân sự; nếp sống văn hóa, giáo dục thể chất.

Trước hết và quan trọng nhất là giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên mà hạt nhân là giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp, có chí khí và bản lĩnh chính trị vững vàng thì dù khó khăn gian khổ thế nào họ vẫn nguyện suốt đời phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp

của Đảng, đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Cùng với cần giáo dục, bồi dưỡng về trình độ học vấn và năng lực hoạt động thực tiễn thì cần có tri thức, trình độ học vấn, hiểu biết về khoa học kỹ thuật là cơ sở để thế hệ trẻ nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn đáp ứng tốt yêu cầu của cách mạng, xây dựng xã hội mới.

Hồ Chí Minh coi trọng giáo dục nếp sống văn hóa và giáo dục thể chất cho thanh niên, khi khỏe cả về thể chất và tinh thần thì mới thực hiện được nhiệm vụ cách mạng. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho thế hệ trẻ, những nhu cầu, lợi ích chính đáng được thỏa mãn là một động lực trực tiếp thúc đẩy họ hoạt động tích cực và hiệu quả.

### *Phương châm giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ*

Giáo dục phải phù hợp với mỗi đối tượng; học phải đi đôi với hành, học mà không hành thì học vô ích, hành mà không học thì hành không trôi chảy; giáo dục phải phối hợp gia đình, nhà trường và xã hội; phải phát huy dân chủ, bình đẳng trong giáo dục; phát động phong trào thi đua.

Giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau phải xuất phát từ yêu cầu cách mạng mỗi giai đoạn, từ thực tiễn xã hội, cần phải tuyên truyền sâu rộng về vai trò, vị trí trách nhiệm của thanh niên, cũng như tầm quan trọng của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Giáo dục cho thế hệ trẻ truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng của Đảng, đạo đức cách mạng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Định hướng cho thế hệ trẻ biết kết hợp chặt chẽ giữa yêu nước và yêu chế độ xã hội chủ nghĩa trong hành động, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **3. VAI TRÒ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

#### **3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của dân tộc và thời đại, nó trường tồn, bất diệt, là tài sản vô giá của dân tộc ta. Tư tưởng đó bao gồm một hệ thống những quan điểm lý luận, tư tưởng về chiến lược, sách lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, về sự cải biến cách mạng đối với thế giới, về đạo đức, phong cách, phương pháp Hồ Chí Minh, về việc hiện thực hóa các tư tưởng ấy trong đời sống xã hội,... đang soi sáng cho chúng ta.

Khẳng định nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần quý báu của dân tộc và nhân loại. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh và đã quyết định ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của mình: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”. Điều đó đảm bảo cho sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam, bảo đảm cho tương lai, tiền đồ tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

#### **3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam**

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng ta và nhân dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ qua, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp chúng ta nhận thức đúng những vấn đề lớn liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền dân tộc, phát triển xã hội và bảo vệ quyền con người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng vững chắc để Đảng ta vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đi tới thắng lợi.

## **4. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

### **4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

*Xuất phát từ vai trò to lớn của đạo đức*

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, gồm những chuẩn mực, định hướng giá trị là nền tảng tinh thần của xã hội, có tác dụng chi phối, điều chỉnh hành vi của con người. Đạo đức xã hội tốt, xã hội sẽ ổn định và phát triển. Hiện nay, bên cạnh những tấm gương đạo đức tốt còn có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và thanh niên suy thoái về đạo đức lối sống, sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, sống thiếu trung thực...

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, các trào lưu tư tưởng trên thế giới tác động vào nước ta ngày càng sôi động, nhiều chiều, phức tạp... Nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh,

dân chủ, công bằng, văn minh còn rất nặng nề. Giáo dục lối sống, xây dựng lối sống tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là yêu cầu và nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

*Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức mẫu mực, sáng người, tiêu biểu nhất cho truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam*

Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta; là Chủ tịch nước đầu tiên; Người sáng lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhiều đoàn thể chính trị xã hội lớn ở nước ta.

Hồ Chí Minh là tiêu biểu cho tấm gương đạo đức tận trung với nước, tận hiếu với dân, hết lòng thương yêu con người; mẫu mực của tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, có tinh thần quốc tế trong sáng. Người là tấm gương mẫu mực cho sự tự rèn luyện, kiên quyết vượt qua mọi khó khăn.

Hồ Chí Minh là nhà báo vĩ đại<sup>16</sup>. Người nói báo chí có trách nhiệm là người tuyên truyền, người cổ động, người tổ chức và lãnh đạo chung. Người nói nhà báo viết phải rõ mục đích là viết cho ai? Viết để làm gì và viết như thế nào?. Hồ Chí Minh là nhà thơ lớn, “Mỗi vần thơ Bác, vần thơ thép. Mà vẫn mênh mông, bát ngát tình” (Tố Hữu). Hồ Chí Minh là nhà giáo, là người mở đầu nền sử học mácxít ở Việt Nam.

Người là điển hình cho phong cách lãnh đạo quần chúng, dân chủ, nêu gương, phong cách làm việc khoa học, phong cách ứng xử chân tình, dễ gần, dễ mến; phong cách diễn đạt ngắn gọn, trong sáng, giản dị; phong cách sống đời riêng trong sáng.

---

<sup>16</sup> Hồ Chí Minh sáng lập 9 tờ báo, viết trên 2.000 bài báo, tác giả 134 bài thơ *Nhật ký trong tù*, thơ Chúc tết và thơ cách mạng.

### *Xuất phát từ thực trạng đạo đức trong xã hội hiện nay*

Hiện nay, bên cạnh những tấm gương đạo đức tốt, còn một bộ phận trong xã hội suy thoái về đạo đức lối sống; sống thực dụng, nặng về chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng, vụ lợi, bản vị cục bộ. Tệ quan liêu, nạn tham nhũng, hối lộ, lãng phí, quan liêu,... chưa được ngăn chặn; một bộ phận thanh niên nghiện hút, cờ bạc, đua đòi sống thực dụng, buông thả, thờ ơ với chính trị... Đó thực sự là nguy cơ, thách thức lớn, ảnh hưởng đến chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Trong khi đó, nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh rất nặng nề. Giáo dục đạo đức, xây dựng lối sống tốt đẹp theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh “nhân cái đẹp, dẹp cái xấu”, khơi dậy, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc; nhằm khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống; hình thành và phát triển các giá trị đạo đức mới, xây dựng con người Việt Nam có đạo đức cách mạng vừa là yêu cầu nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên, cấp bách hiện nay.

### *Đảng ta khẳng định vai trò quan trọng của đạo đức Hồ Chí Minh*

Trong Điều văn vĩnh biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh (9/1969), chúng ta đã thề: Suốt đời học tập đạo đức tác phong của Người, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, không sợ gian khổ, không sợ hy sinh, rèn luyện mình thành những chiến sĩ trung thành với Đảng, với dân xứng đáng là đồng chí, là học trò của Hồ Chủ tịch. Noi gương Người, toàn thể nhân dân ta, thanh niên ta nguyện ra sức trau dồi mình thành những con người mới, làm chủ đất nước,

làm chủ xã hội mới, mang lá cờ bách chiến, bách thắng của Hồ Chủ tịch tới đích cuối cùng.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta (bổ sung, sửa đổi năm 2011) khẳng định: “Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta”. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vừa là vinh dự, vừa là trách nhiệm của mỗi người dân Việt Nam, quyết tâm phấn đấu xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Hiện nay, Đảng ta đang đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, với mục đích làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh.

#### **4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

Kết hợp công tác giáo dục chính trị, đạo đức và công tác tổ chức thi đua, nêu cao chủ nghĩa tập thể, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chí Minh cho rằng, chống chủ nghĩa cá nhân phải đi song song với không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng.

Đối với mỗi thanh niên, học sinh, sinh viên cần tích cực học tập lý luận chính trị trong Đảng. Tin tưởng và kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng,

kim chỉ nam cho hành động của Đảng, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu không thay đổi của Đảng và nhân dân ta.

Mỗi người cần nắm vững nội dung tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, trong đó cốt lõi là rèn luyện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư để phát huy tính tự giác, tiên phong, giữ kỷ luật nghiêm trong học tập, rèn luyện và lao động, thường xuyên phê bình và tự phê bình, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân.

Phát huy truyền thống nhân ái của con người Việt Nam mới. Nhân ái là truyền thống nổi bật của dân tộc Việt Nam. Người thanh niên, học sinh phát huy truyền thống nhân ái của con người Việt Nam, xây dựng tình thương yêu với nhân dân, với người lao động trong xã hội. Thương yêu con người phải tin vào con người để đoàn kết trong nhà trường, lớp học. Có lòng hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ; kính thầy, yêu bạn và với mọi người. Cần rèn luyện ý thức tự rèn luyện, nghiêm khắc với chính mình, khoan dung, độ lượng với người khác. Thương yêu con người là có sự cảm thông, chia sẻ trước những khó khăn, hoạn nạn của người khác; giúp cho mỗi người, những lúc bình thường, cả khi họ mắc sai lầm, khuyết điểm để họ cố gắng sửa chữa ngày càng tiến bộ hơn. Tham gia tự nguyện và tích cực các hoạt động vì cộng đồng như các hoạt động từ thiện, hiến máu nhân đạo, ủng hộ giúp đỡ người nghèo...

Rèn luyện phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Thanh niên học sinh cần xác định cho mình động cơ, thái độ học tập đúng đắn; tích cực, siêng năng, say sưa học tập nắm vững kiến thức chuyên môn, rèn luyện tay nghề, kỹ năng thực hành. Chú trọng học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ

Chỉ Minh và đường lối cách mạng của Đảng. Học tập và làm việc có kế hoạch, có phương pháp khoa học để mang lại hiệu quả cao. Nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ; chống thói lười biếng, ngại khó, ngại khổ, dựa dẫm. Chống tư tưởng bình quân chủ nghĩa trong học tập, rèn luyện. Nhận thức đầy đủ và thực hành tiết kiệm mọi lúc, mọi nơi, trong việc nhỏ lẫn việc to. Tiết kiệm trong chi tiêu, quý trọng và sử dụng tiền bạc. Tôn trọng, giữ gìn của công; phê phán những hành vi ăn chơi đua đòi lãng phí. Rèn luyện tính trung thực, thẳng thắn, thật thà trong học tập, thi cử và trong cuộc sống. Có quan hệ đúng mực trong quan hệ với thầy cô, bạn bè và mọi người, không xu nịnh hay đe dọa người khác. Có thái độ khiêm tốn, tích cực học hỏi, cầu tiến bộ. Nâng cao tinh thần tự phê bình và phê bình. Tôn trọng lẽ phải, làm theo lẽ phải. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, không bao che, dung túng cho khuyết điểm mình, của bạn, không kéo bè, kéo cánh chia rẽ nội bộ...

Xây dựng lòng tự hào dân tộc chân chính đi đôi với tôn trọng các dân tộc khác. Biết lên án các cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa, chống lại sự can thiệp thô bạo từ bên ngoài vào công việc nội bộ của mỗi nước. Nhận thức sâu sắc đường lối đối ngoại của Đảng là giữ vững độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; *là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế*; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Nhận thức nhiệm vụ đối ngoại hiện nay là giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh

thô; nâng cao vị thế của đất nước, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Tùy theo khả năng có những đóng góp, ủng hộ giúp đỡ nhân dân các nước bị thiên tai, khó khăn qua các phong trào do nhà trường và các đoàn thể trong nước phát động. Nâng cao nhận thức về bạn và về thù, về đối tác và đối tượng trong giai đoạn hiện nay. Chống tâm lý tự ti dân tộc, tâm lý sùng ngoại, sính ngoại.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó, rút ra kinh nghiệm gì về rèn luyện tư tưởng của bản thân?

2. Phân tích nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và làm rõ vai trò tư tưởng của Người đối với cách mạng Việt Nam hiện nay.

3. Trình bày sự cần thiết phải học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Để học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, sinh viên học nghề cần phải làm gì?

## BÀI 3

# NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

## 1. SỰ RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

### 1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

*Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*

- Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó: Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa). Nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường, dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

- Ảnh hưởng của nghĩa Mác - Lênin: Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ, muốn giành được thắng lợi trong đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải lập ra đảng cộng sản. Sự ra đời của đảng cộng sản là yêu cầu khách quan đáp ứng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống áp bức, bóc lột. Kể từ khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam, phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào

thực tiễn cách mạng Việt Nam, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tác động của Cách mạng tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản: Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công. Đối với nước Nga, đó là cuộc cách mạng vô sản, nhưng đối với các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga thì đó còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì trước cách mạng “nước Nga là nhà tù của các dân tộc”. Cuộc cách mạng này cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân các nước và là một trong những động lực thúc đẩy sự ra đời nhiều đảng cộng sản ở các nước trên thế giới. Đối với các dân tộc thuộc địa, Cách mạng tháng Mười đã nêu tấm gương sáng trong việc giải phóng các dân tộc bị áp bức, đã “mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”.

Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) được thành lập (3/1919) đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đối với Việt Nam, Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh vai trò của tổ chức này đối với cách mạng Việt Nam “An Nam muốn cách mệnh thành công thì tất phải nhờ Đệ tam quốc”.

### *Hoàn cảnh trong nước*

- Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp: Sau khi đánh chiếm được nước ta, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị thực dân và tiến hành những cuộc khai thác nhằm cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.

- Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam. Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình xã hội Việt Nam. Sự phân hóa giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc hơn. Ngoài hai giai cấp cũ là nông dân và địa chủ hình thành thêm giai cấp công nhân, giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản. Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam lúc này đều mang thân phận người dân mất nước, ở mức độ khác nhau, đều bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột. Xã hội Việt Nam tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản. *Một là*, giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và bọn tay sai. Mâu thuẫn này nổi lên thành mâu thuẫn chủ yếu. *Hai là*, giữa nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra yêu cầu là phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Những phong trào mang ý thức hệ phong kiến tiêu biểu diễn ra trong thời kỳ này là: Phong trào Cần Vương (1885 - 1896), cuộc khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang) (1884- 1913). Sự thất bại của các phong trào trên đã chứng tỏ giai cấp phong kiến và hệ tư tưởng phong kiến không đủ điều kiện để lãnh đạo phong trào yêu nước, giải quyết thành công nhiệm vụ dân tộc ở Việt Nam.

Phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của tầng lớp sĩ phu tiến bộ chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản. Đại diện của xu hướng *bạo động* là Phan Bội Châu, với chủ trương dùng biện

pháp bạo động để đánh đuổi thực dân Pháp khôi phục nền độc lập cho dân tộc. Ông đi từ lập trường quân chủ lập hiến đến lập trường dân chủ tư sản, nhưng cuối cùng bị thất bại. Đại biểu cho xu thế *cải cách* là Phan Châu Trinh, với chủ trương vận động, cải cách văn hóa, xã hội; động viên lòng yêu nước trong nhân dân, đả kích bọn vua quan phong kiến thối nát, đề xướng tư tưởng dân chủ tư sản; thực hiện khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, mở mang dân quyền. Hoạt động cách mạng của Phan Châu Trinh đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam.

Do những hạn chế về lịch sử, về giai cấp, nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết chính xác cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc, nên chỉ sau một thời kỳ phát triển đã bị kẻ thù dập tắt. Mặc dù thất bại nhưng các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức có khuynh hướng dân chủ tư sản chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại và nhu cầu mới của nhân dân Việt Nam. Phong trào yêu nước trở thành một trong ba nhân tố (nguồn gốc) dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### *Quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*

Trước sự khủng hoảng về đường lối cứu nước của dân tộc, ngày 05/06/1911, anh thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước tại bến cảng Nhà Rồng. Tháng 7/1911, Hồ Chí Minh đến đất Pháp. Tiếp đó, người đến

nhiều nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ - Latinh và các nước đế quốc như Anh, Mỹ, Pháp để nghiên cứu và tìm lời giải đáp cho mục tiêu đã đặt ra là tìm đường cứu nước, cứu nhân loại. Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Người rút ra kết luận: “Trong thế giới bây giờ chỉ có Cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật”<sup>17</sup>.

Vào tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo *Nhân đạo*. Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp (tháng 12/1920), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người và Người tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 6/1925, Người thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Mở các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ cách mạng Việt Nam. Tác phẩm *Đường Cách mệnh* chỉ rõ tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản và sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam: Đông

---

<sup>17</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.304.

Dương Cộng sản Đảng (17/6/1929); An Nam Cộng sản Đảng (mùa thu 1929); Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929). Ngày 3/2/1930, tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc được sự uỷ nhiệm của quốc tế cộng sản, Hồ Chí Minh đã triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, chương trình và điều lệ vắn tắt của Đảng và cho ra đời Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta. Trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin và kinh nghiệm quốc tế vào điều kiện Việt Nam. Người xác định giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng, cách mạng có 2 nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

*Ý nghĩa thành lập Đảng:* Đảng ra đời là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, là kết quả của sự chuẩn bị công phu suốt hai thập kỷ của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử phản ánh đúng xu thế khách quan của thời đại và điều kiện chín muồi của cách mạng Việt Nam.

Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước; từ đây, cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có thể tập hợp được một lực lượng cách mạng hùng hậu cho phép giải phóng đất nước khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp, đồng thời đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, mang lại cơm no, áo ấm cho nhân dân.

## 1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

*Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở từng giai đoạn cách mạng cụ thể:

### *Giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc*

Mục đích của cách mạng giải phóng dân tộc là đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được thắng lợi này chính nhờ đường lối đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của lịch sử.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, khi giai cấp tư sản vừa bóc lột giai cấp công nhân ở chính quốc, vừa bóc lột nhân dân thuộc địa, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”*. Đảng của giai cấp vô sản ở các nước thuộc địa nắm lấy và giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, gắn phong trào giải phóng dân tộc trong nước với phong trào cách mạng thế giới. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

*Trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng, phát triển đất nước*

Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng to lớn để lãnh đạo nhân dân xây dựng xã hội mới vì con đường cách mạng do Đảng lãnh đạo phù hợp với thời đại và quy luật phát triển của xã hội. Đảng không có mục đích tự thân. Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, lợi ích của toàn dân tộc Việt Nam, lợi ích của nhân dân tiến bộ trên thế giới, Đảng không có lợi ích nào khác.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

## **2. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**

### **2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc**

#### *Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945*

Vừa mới ra đời, Đảng đã phát động một phong trào cách mạng rộng lớn mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh. Phong này đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng và sức mạnh của khối liên minh công nông. Quốc tế Cộng sản đánh giá cao đóng góp của phong trào cách mạng Việt Nam đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, công nhận Đảng ta là một phận bộ trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

Sau cuộc đấu tranh đầy gian khổ và tổn thất để bảo vệ Đảng, duy trì tổ chức quần chúng cách mạng. Đến năm 1936, khi tình hình trong nước và thế giới có sự biến chuyển mới, Đảng đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu độc lập dân tộc và người cày có

ruộng, chuyển hướng đấu tranh sang đòi dân sinh dân chủ, với các hình thức đấu tranh và tổ chức thích hợp, chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh giành chính quyền. Phong trào đấu tranh những năm 1936-1939 đã làm cho ảnh hưởng của Đảng ăn sâu, lan rộng trong quảng đại quần chúng. Đảng đã biết kết hợp các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp với các hình thức bán hợp pháp, bí mật trong cuộc đấu tranh ở một nước thuộc địa. Qua phong trào, sự giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao.

Từ năm 1939, khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, Đảng ta đã có những nhận định sáng suốt về tình hình thế giới và xu hướng phát triển của cách mạng Đông Dương, xác định giải phóng dân tộc, đánh đuổi phát xít Pháp, Nhật, giành độc lập, tự do là yêu cầu sống còn của dân tộc Việt Nam. Từ đó, Đảng chủ trương chuẩn bị các điều kiện để tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo trong cuộc vận động giải phóng dân tộc những năm 1939-1945 và nắm bắt thời cơ lịch sử một cách chuẩn xác và kịp thời khi Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh, Đảng đã phát động, tổ chức thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại đầu tiên của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với thắng lợi này, nhân dân ta đã đập tan xiềng xích nô lệ hơn 80 năm của thực dân Pháp và hàng trăm năm chế độ phong kiến nhà Nguyễn, đưa lại độc lập, thống nhất cho đất nước ta; đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ thành người làm chủ xã hội; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á; đưa Đảng ta từ hoạt động bất hợp pháp thành đảng cầm quyền trong toàn quốc;

khẳng định trong thực tiễn tư tưởng cách mạng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc, khởi nghĩa toàn dân của Hồ Chí Minh và đường lối cứu nước giải phóng dân tộc của Đảng vạch ra là đúng đắn; nâng cao niềm tự hào dân tộc và để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho Đảng và nhân dân ta; mở ra kỷ nguyên phát triển mới cho dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đặt trong bối cảnh thế giới năm 1945, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; tăng cường lực lượng, mở rộng địa bàn cho cách mạng thế giới; chứng minh học thuyết Mác - Lênin có thể áp dụng thành công vào cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa nếu biết vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành được thắng lợi và nắm chính quyền trong cả nước.

*Thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)*

Ngay khi vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nạn đói hoành hành đầu năm 1945 đã làm chết hơn hai triệu người ở miền Bắc. Trên 95% dân Việt Nam mù chữ. Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng đã tràn vào với mưu đồ “diệt cộng, cầm Hồ”. Ở miền Nam, hơn 15 vạn quân Pháp với sự giúp đỡ của liên quân Anh - Ấn lăm le xâm lược nước ta. Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của Nhà nước ta còn rất non yếu; vận mệnh của đất nước trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kịp thời

đề ra những chủ trương và quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Đối với các thế lực thù địch, chúng ta đã thực hiện sách lược mềm dẻo, lợi dụng mâu thuẫn, phân hóa chúng, dành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến. Với đường lối chính trị sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng ta đã động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân, triệu người như một, vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm để củng cố, giữ vững chính quyền, đưa cách mạng vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

#### *Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954)*

Đối với nước ta, thắng lợi này đã làm sụp đổ hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp đối với Việt Nam; bảo vệ được độc lập, chủ quyền dân tộc, giữ vững được chính quyền dân chủ nhân dân; giải phóng được một nửa đất nước là miền Bắc, tạo điều kiện đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành căn cứ địa, hậu phương của cả nước để giải phóng miền Nam trong giai đoạn sau; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao uy tín cho dân tộc và cho Đảng trên trường quốc tế; để lại nhiều kinh nghiệm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau đó... Đối với quốc tế, thắng lợi này đã buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; nhân dân Việt Nam trở thành người đi tiên phong trong việc làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc; miền Bắc

được hoàn toàn giải phóng đã góp phần tăng cường lực lượng và địa bàn cho chủ nghĩa xã hội.

### *Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*

Trong những năm 1954-1975, khi đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa cố vấn quân sự rồi quân viễn chinh xâm lược miền Nam, đánh phá miền Bắc, Đảng đã phát động, lãnh đạo nhân dân hai miền Bắc, Nam tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc. Với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, nhân dân cả nước vừa xây dựng, bảo vệ hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ra sức chi viện tiền tuyến, vừa đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, đánh bại các âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của Mỹ và tay sai đi tới đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử có ý nghĩa dân tộc và thời đại to lớn. Đối với dân tộc ta, thắng lợi này kết thúc hơn 20 năm chống đế quốc Mỹ, 30 năm chiến tranh cách mạng, hơn một thế kỷ chống xâm lược nước ngoài, đưa lại độc lập, thống nhất trọn vẹn cho đất nước ta; giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc; hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm sức mạnh to lớn về vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao vị thế quốc tế cho Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; để lại nhiều bài học có giá trị cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đối với thế giới, thắng lợi này đã góp phần quan trọng làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc dân chủ của nhân dân thế giới; mở rộng địa bàn và tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

## **2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới**

Sau thắng lợi vĩ đại mùa Xuân năm 1975, cả nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh có những thuận lợi to lớn, song cũng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế chậm phát triển, cơ sở vật chất- kỹ thuật nhỏ bé, manh mún, hậu quả chiến tranh nặng nề, lại bị Mỹ phong tỏa cấm vận, tình hình quốc tế có những diễn biến bất lợi, phải đương đầu với cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới phía nam, phía bắc, đòi hỏi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải trải qua nhiều bước đi cụ thể thích hợp. Trong bối cảnh đó, với bản lĩnh chính trị vững vàng được tôi luyện qua thử thách đấu tranh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, Đảng đã kiên trì tìm tòi đề ra đường lối đổi mới đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, giành được những thành tựu to lớn, toàn diện.

Thắng lợi bước đầu của ba mươi năm đổi mới có ý nghĩa hết sức quan trọng. Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng đánh giá khái quát 30 năm đổi mới đã ghi nhận: Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế

tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Những thành tựu đó *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*. Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới,

về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

*Tóm lại,* với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX, Việt Nam đã ta từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thắng lợi đó là minh chứng sinh động về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, sức mạnh to lớn của nhân dân ta.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích vai trò của Hồ Chí Minh trong việc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, rút ra những kết luận gì về đặc điểm ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam?

2. Phân tích những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, rút ra những truyền thống quý báu của Đảng ta.

3. Phân tích vị trí và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị ở nước ta. Qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo của Đảng ta.

## **BÀI 4**

# **ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

### **1. ĐẶC TRƯNG CỦA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

#### **1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh**

Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là những mục tiêu không tách rời nhau, bổ sung cho nhau, mục tiêu này làm cơ sở, điều kiện, tiền đề cho mục tiêu kia. Đó là những mục tiêu lâu dài, những giá trị bền vững, từng bước được hiện thực hóa trong quá trình đổi mới đất nước trên con đường xã hội chủ nghĩa. Giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là những giá trị xã hội tốt đẹp nhất, là nguyện vọng, mơ ước của nhân dân tiến bộ trên thế giới, là cái đích của xã hội loài người nói chung.

Đây là đặc trưng thể hiện sự khác nhau căn bản, sự tiến bộ hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa so với các chế độ xã hội trước đó. Trong điều kiện xây dựng một nhà nước của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thì yêu cầu phấn đấu cho một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là mục tiêu chiến lược vô cùng đẹp đẽ, tất yếu trên con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa.

#### **1.2. Xã hội do nhân dân làm chủ**

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta xây dựng “do nhân dân làm chủ” là đặc trưng quan trọng và quyết định

nhất trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhân dân lao động làm chủ được bảo đảm trên thực tế, trong mọi mặt đời sống xã hội. Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân: Dân là người chủ đất nước, Nhà nước là công cụ quản lý đất nước của Dân, mọi quyền lực Nhà nước đều ở nơi dân, mọi tài sản của Nhà nước đều là của dân. Đó là bản chất chính trị, bản chất nhân dân cực kỳ quan trọng của Nhà nước ta.

Đặc trưng này không thể tách rời những yêu cầu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nói dân giàu, nước mạnh chính là thể hiện vai trò chủ thể của nhân dân đối với nhà nước - dân là chủ, nó vừa là mục tiêu, lại vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

Để có một xã hội do nhân dân thực sự làm chủ, chúng ta phải nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa để bảo đảm “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức phải là “công bộc” của nhân dân, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ.

### **1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp**

Để có được một xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, điều tiên quyết là xã hội đó phải có một nền kinh tế phát triển. Bởi vì, kinh tế là lực lượng vật chất, nguồn sức mạnh nội tại của cơ thể xã hội, nó quyết định sự vững vàng và phát triển của xã hội. Đến lượt mình, nền kinh tế đó chỉ có thể phát triển

dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại. Mác đã khẳng định: chủ nghĩa xã hội chỉ thực hiện được bởi “một nền đại công nghiệp”. Nền đại công nghiệp phát triển trên cơ sở khoa học - công nghệ, là hiện thân và là yếu tố tạo nên lực lượng sản xuất hiện đại. Lực lượng sản xuất hiện đại quyết định việc nâng cao năng suất của nền sản xuất - yếu tố quy định sự phát triển lên trình độ cao của phương thức sản xuất mới. Trên cơ sở đó, thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiến bộ phù hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Đảng ta đã tập trung phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà trước mắt là hoàn thiện thể chế của nó; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, nhằm xây dựng một lực lượng sản xuất hiện đại để có một nền kinh tế phát triển cao - điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững xã hội xã hội chủ nghĩa.

#### **1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Nếu như “nền kinh tế phát triển cao” là nội lực, là sức mạnh vật chất cho phát triển xã hội thì văn hóa là nguồn lực tinh thần bên trong của phát triển xã hội. Văn hóa là tinh hoa con người và dân tộc, tinh hoa xã hội và thời đại; bởi vậy, nó là sức mạnh con người và dân tộc, sức mạnh xã hội và thời đại. Mỗi nền văn hóa phải kết tinh tinh hoa và sức mạnh thời đại để tiến tới đỉnh cao thời đại, đồng thời phải chuyển hóa chúng thành các giá trị của dân tộc, làm đậm đà thêm bản sắc riêng của mình. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chính là mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa, đồng thời là động lực và sức mạnh thúc đẩy xã hội đó phát triển.

Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần kế thừa và phát huy những giá trị, tinh hoa văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc. Đồng thời, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và văn hóa thời đại để phát triển văn hóa Việt Nam thực sự là nền văn hóa vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực và sức mạnh cho xã hội phát triển. Hơn nữa, bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa là tiến bộ, khoa học và nhân văn. Cho nên, chủ nghĩa xã hội đồng chất và cùng chiều với văn hóa; phấn đấu cho những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cũng chính là phấn đấu cho những giá trị văn hóa - xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội văn hóa cao. Chính vì vậy, Đảng ta chủ trương phát triển nền văn hóa vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng, làm phong phú diện mạo văn hóa Việt Nam.

### **1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện**

Nói đến cùng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, quá trình phấn đấu đạt tới những giá trị của xã hội xã hội chủ nghĩa đều là vì con người. Con người là thực thể cao nhất của giới tự nhiên, nó là sản phẩm của thiên nhiên nhưng cao siêu và bí ẩn gấp ngàn lần thiên nhiên. Bởi con người có trí tuệ và tình cảm, có khát vọng và khả năng chiếm lĩnh những đỉnh cao hiểu biết để tạo cho mình một thế giới Người - thế giới Văn hóa. Cho nên, lịch sử của loài người là lịch sử con người đấu tranh xóa bỏ mọi lực cản thiên nhiên và xã hội để vươn tới một xã hội cao đẹp nhất - xã hội, đó chính là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nơi: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả

mọi người,... như C.Mác đã nói. Đặc trưng người nhất của khát vọng con người là hạnh phúc. Bởi có thể người ta giàu có, đầy đủ tiện nghi, được phát triển, song vẫn bất hạnh. Hạnh phúc là trạng thái yên lành, hài hòa, là tinh thần thoải mái biểu hiện sự mãn nguyện thanh cao nhất của con người. Phần đầu đạt tới một xã hội bảo đảm hạnh phúc cho con người, đó là một xã hội văn hóa cao.

### **1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển**

Nếu như các đặc trưng nêu trên (kinh tế, văn hóa, con người) là những yếu tố thuộc phẩm chất bên trong tạo nên một chỉnh thể xã hội, thì ở đặc trưng này đòi hỏi những yếu tố thiết yếu cho sự tồn tại bền vững của xã hội lành mạnh. “Bình đẳng” là một phẩm chất và giá trị nhân quyền thể hiện trình độ phát triển và chất nhân văn cao của xã hội. Một đòi hỏi quan trọng của xã hội chủ nghĩa là bảo đảm bình đẳng không chỉ cho cá nhân người công dân, mà còn ở cấp độ cho tất cả các cộng đồng, các dân tộc trong một quốc gia. Ngay trong xã hội hiện đại, ở các nước phát triển, thực hiện bình đẳng giữa các tộc người, các dân tộc cũng đang là vấn đề nan giải.

Mặt khác, “đoàn kết” là sức mạnh - đó là một chân lý. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã kêu gọi: Những người lao động ở tất cả các nước trên thế giới đoàn kết lại (C.Mác); còn trong cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khái quát một chân lý: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công. Đồng thời, đây cũng là một giá trị đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa.

“Bình đẳng” và “đoàn kết” chính là nền tảng của sự “tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”. Tôn trọng và giúp nhau không chỉ là tình thương, lòng nhân đạo, mà thực sự là đòi hỏi, yêu cầu, trách nhiệm và điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của từng cá nhân, cộng đồng, dân tộc; là một tiêu chuẩn quan trọng của xã hội phát triển. Đoàn kết toàn dân, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc đã làm nên thành công của cách mạng Việt Nam. Và giờ đây, tinh thần đó, phương châm đó đang là những nét đặc sắc của giá trị xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo**

Nhà nước pháp quyền là một hình thức quản lý nhà nước trên một trình độ cao và hiệu quả. Nó điều hành hoạt động của các cơ quan nhà nước và xã hội bằng pháp luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước quản lý và điều hành đất nước và xã hội bằng pháp luật thể hiện quyền lợi và ý chí của nhân dân; vì vậy là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đây là nhà nước mà tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân với nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật, tổ chức và quản lý xã hội bằng hệ thống pháp luật đó và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đòi hỏi khách quan để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa hiện nay. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân không thể nào khác là dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đảng mang bản chất, lý tưởng, nội dung xã hội chủ nghĩa, là đảng thực hiện mục tiêu và lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

### **1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới**

Theo nguyên lý phát triển xã hội, đặc biệt trong thế giới hiện đại, mỗi quốc gia là một bộ phận hợp thành cộng đồng quốc tế. Sự phát triển quốc gia xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ có được khi đẩy mạnh “quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Quan hệ hữu nghị và hợp tác chính là thể hiện bản chất hòa hảo, thiện chí và tạo điều kiện cho các quốc gia hội nhập, tiếp thu những thành quả phát triển của mỗi bên, tích lũy kinh nghiệm và rút ngắn quá trình phát triển của mỗi nước. Điều có ý nghĩa lớn lao hơn là ở chỗ, “hữu nghị”, “hợp tác”, “phát triển” chính là bản chất, là khát vọng hòa đồng theo bản chất trí tuệ và tình cảm nhân văn cao cả có tính nhân loại của con người, của loài người; điều thể hiện bản chất cao đẹp nhất của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Qua đó, chúng ta thấy quan điểm, đường lối, chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trước sau đều phù hợp với bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa nêu trên. Đây là một đặc trưng nổi bật của nội dung và mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Và chính nó là yếu tố, điều kiện để Việt

Nam phát triển nhanh chóng trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện được đặc trưng nêu trên, Đảng ta vạch ra đường lối đối ngoại: độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh.

## **2. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường**

Từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, tất yếu phải tiến hành công nghiệp hóa. Trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ, công nghiệp hóa phải kết hợp ngay từ đầu với hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Đảng ta xác định công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của suốt thời kỳ quá độ. Trong bối cảnh quốc tế mới, Việt Nam có thể bỏ qua các thế hệ công nghệ trung gian để đi thẳng vào các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, nhằm phát triển nhanh nền kinh tế, sớm bắt kịp xu thế chung của kinh tế thế giới. Đó là lợi thế các nước đi sau, là thời cơ lớn không thể bỏ lỡ. Biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chúng ta nhất định chiến thắng được nghèo nàn, lạc hậu như đã từng chiến thắng giặc ngoại xâm. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn là bắt buộc đối với chúng ta, nếu muốn đuổi kịp các nước trong khu vực và trên thế giới.

Cải cách triệt để nền giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế tri thức. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 khẳng định: Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh dài hạn, bảo đảm phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững... Phát triển nguồn nhân lực cần phải quan tâm cả phát triển con người và hiện đại hóa hoạt động giáo dục, đào tạo.

Phát triển mạnh về khoa học công nghệ, tăng cường năng lực khoa học công nghệ quốc gia. Cương lĩnh của Đảng nêu rõ: Phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức; góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Trong đó, cần tập trung: Phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin, chuyển hướng phát triển các lĩnh vực trọng yếu sang chủ yếu dựa vào tri thức. Phát triển nhanh có chọn lọc các ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao. Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển mạnh một số khu công nghệ cao đã và đang hình thành ở nước ta. Cần đầu tư cao vào những ngành mũi nhọn của quốc gia như: công nghệ thông tin, nhất là công nghệ phần mềm; công nghệ số hóa, công nghệ năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học... Thu hút các tập đoàn xuyên quốc gia, có tiềm lực khoa học - công nghệ và tài chính mạnh đầu tư vào Việt Nam, khuyến khích xây dựng các trung tâm nghiên cứu - phát triển, tạo sự lan toả ra toàn bộ nền kinh tế.

Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong điều kiện khan hiếm các nguồn tài nguyên hiện nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động không thuận đến môi trường tự nhiên. “Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư... Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch”<sup>18</sup>. Để cụ thể hóa quan điểm đó cần: Tăng cường quản lý tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng, bầu trời; ngăn chặn các hành vi huỷ hoại môi trường, khắc phục sự xuống cấp, tích cực phục hồi môi trường, xử lý phế thải; từng bước sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch. Phủ xanh đất trống, đồi trọc; hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo, chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên.

## **2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Đảng ta đã xác định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền kinh tế này trước hết phải tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu của những quy luật khách quan của kinh tế thị trường. Đó là hệ thống đầy đủ, đồng bộ các loại thị trường và các chủ thể thị trường, tự do cạnh tranh; giá cả được định đoạt trên thị trường tùy thuộc vào quan hệ cung - cầu

---

<sup>18</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.75.

và độ khan hiếm hàng hóa; các nguồn lực phát triển được phân bổ chủ yếu theo những tín hiệu của thị trường; nhà nước tôn trọng những quy luật của thị trường, tạo điều kiện, môi trường để kinh tế thị trường vận hành bình thường, sử dụng các công cụ thị trường là chủ yếu để quản lý và sẵn sàng can thiệp, điều tiết một khi có thất bại của thị trường... Nền kinh tế thị trường hiện đại là nấc thang cao trong lịch sử phát triển kinh tế thị trường. Vì thế, ngoài những đặc trưng mang tính phổ quát của nền kinh tế thị trường tự do, nền kinh tế thị trường hiện đại ngày nay còn mang một số đặc trưng mới. Đó là:

*Nền kinh tế thị trường hiện đại phải dựa trên nền tảng sở hữu hỗn hợp của các chủ thể thị trường.* Trong nền kinh tế này, sở hữu hỗn hợp dựa trên chế độ cổ phần phải chiếm ưu thế phổ biến. Bởi vì, sở hữu hỗn hợp chiếm ưu thế phổ biến là kết quả xã hội hóa sản xuất và xã hội hóa sở hữu ở trình độ cao do yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học, công nghệ và trình độ quản lý. Hình thức sở hữu này đang ngày càng phát triển, từng bước vượt qua biên giới của một quốc gia và gắn liền với sự phát triển mạnh của các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia.

*Nền kinh tế thị trường hiện đại phải dựa trên những thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại và kinh tế tri thức* - một trong những nhân tố quyết định trực tiếp đến sự giàu mạnh, văn minh của mọi quốc gia.

*Nền kinh tế thị trường hiện đại phải có cơ cấu, trong đó những lĩnh vực sau phải hiện đại*, đó là: công nghiệp - thị trường, hệ thống kết cấu hạ tầng, các ngành dịch vụ cao cấp (đặc biệt là dịch vụ tài chính và ngân hàng). Ngoài ra, nông nghiệp và nông thôn về cơ bản phải được phát triển trên nền tảng công nghiệp và

thị trường hiện đại; kinh tế tiền tệ và kinh doanh tiền tệ là phổ biến, được vận hành bởi thể chế tiền tệ hiện đại với sự độc lập của Ngân hàng Trung ương; doanh nghiệp cổ phần có chế độ quản trị hiện đại.

*Nền kinh tế thị trường hiện đại dựa trên nguồn nhân lực chất lượng cao, làm chủ được khoa học và công nghệ với trình độ quản lý hiện đại.* Trong nền kinh tế này, “công nhân cổ trắng” có trình độ đại học là phổ biến và các trường đại học, viện nghiên cứu triển khai được phát triển thành doanh nghiệp của ngành công nghiệp không khói. Số nhân viên làm việc cho phòng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu triển khai và các vườn ươm công nghệ mới của chính phủ hoặc của công ty từng bước sẽ nhiều hơn số công nhân đứng máy trực tiếp tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

*Nền kinh tế thị trường hiện đại được vận hành bởi thể chế thị trường, thể chế quản lý nhà nước và chế độ quản trị công ty hiện đại.* Nền kinh tế thị trường hiện đại đòi hỏi phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - doanh nghiệp nhằm thỏa mãn những yêu cầu phát triển trong bối cảnh hiện đại dưới tác động trực tiếp của toàn cầu hóa, cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức và xã hội thông tin. Nền kinh tế này cũng đòi hỏi phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự trong điều kiện cụ thể và đặc thù về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, con người nhằm thực hiện tốt mục tiêu phát triển của mỗi quốc gia.

*Nền kinh tế thị trường hiện đại phải dựa trên hệ thống an sinh xã hội hiện đại và một hệ thống phúc lợi vì mục tiêu phát triển con người.* Hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội này

được xây dựng bằng sự đóng góp của chủ doanh nghiệp, người lao động, nhà nước và các tổ chức xã hội dân sự nhằm hỗ trợ người lao động, đặc biệt là người nghèo trước những biến động và rủi ro của thị trường do tác động ngày càng lớn của toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu.

### **2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội**

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Mục tiêu cụ thể:* Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con

người Việt Nam hoàn thiện nhân cách. Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam. Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các giai tầng xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội.

*Quan điểm chỉ đạo của Đảng:* Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo; xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng; phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng<sup>19</sup>.

---

<sup>19</sup> Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

## 2.4. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

Nước ta đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” diễn biến phức tạp.

Đứng trước tình hình trên, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới đặt ra nhiều vấn đề hết sức quan trọng, đó là: bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, như Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu rõ: “...bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”<sup>20</sup>.

<sup>20</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.75.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong những năm tới, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; giữ vững chủ quyền biên giới, vùng trời, biển, đảo của đất nước; bảo vệ vững chắc Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch trong bất cứ tình huống nào cũng không để xảy ra bị động, bất ngờ, sẵn sàng ứng phó có hiệu quả trước các mối đe dọa, kẻ cả đe dọa an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu.

## **2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế**

Mục tiêu đối ngoại là “vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”. Hai mục tiêu này thống nhất với nhau. Bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc là cơ sở cơ bản để xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh là phù hợp với lợi ích quốc gia dân tộc và là điều kiện cần để thực hiện các lợi ích đó. Đảng ta hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại trên cơ sở lợi ích quốc gia, dân tộc, từ đó tái khẳng định sự thống nhất và hòa quyện giữa lợi ích của giai cấp và lợi ích của dân tộc. Khẳng định lợi ích quốc gia, dân tộc là mục tiêu đối ngoại cũng có nghĩa là Đại hội đặt lợi ích quốc gia, dân tộc là nguyên tắc cao nhất của các hoạt động đối ngoại. Nói cách khác, bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc là nguyên tắc mà tất cả các hoạt động đối ngoại, từ ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Đảng đến ngoại giao nhân dân, đều phải tuân thủ.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Phục vụ các mục tiêu quốc gia về phát triển, an ninh và nâng cao vị thế đất nước là nhiệm vụ nhất quán trong đường lối, chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực mang đến cho chúng ta nhiều cơ hội, nhất là khả năng tranh thủ hiệu quả hơn các nguồn lực bên ngoài. Cùng với hội nhập kinh tế, hội nhập trong các lĩnh vực khác sẽ tạo cơ hội lớn hơn trong tiếp cận tới tri thức tiên tiến của nhân loại, gia tăng mức độ đan xen lợi ích, từng bước làm cho đất nước trở thành bộ phận hữu cơ của khu vực và thế giới, chiếm vị trí ngày càng cao trong nền kinh tế, chính trị và văn hóa toàn cầu. Hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực cũng tạo cho chúng ta khả năng tận dụng được sự tác động qua lại, bổ sung lẫn nhau giữa hội nhập trong từng lĩnh vực.

## **2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất**

Đảng ta luôn coi trọng phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, coi đó là động lực phát triển của công cuộc đổi mới. Muốn thực hiện nhiệm vụ này, cần coi trọng bảo đảm thực hiện làm chủ của người dân, xây dựng môi trường, xây dựng cơ chế và các hình thức phong phú thực hiện dân chủ, cụ thể là: Tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của nhân dân,

gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ công dân, tạo ra ngày càng đầy đủ những điều kiện cho sự giải phóng mọi năng lực sáng tạo của con người trong thực hiện công cuộc đổi mới.

Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình<sup>21</sup>.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân...*”<sup>22</sup>. Đại hội XII nhấn mạnh “yêu cầu trong giai đoạn cách mạng hiện nay là phải tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”<sup>23</sup>.

## **2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì

---

<sup>21</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.240.

<sup>22</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.86.

<sup>23</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.159.

nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân...”<sup>24</sup>. Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, có thể rút ra những đặc trưng cơ bản của *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* như sau: *Một là*, đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. *Hai là*, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. *Ba là*, Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. *Bốn là*, Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân; thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật. *Năm là*, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đồng thời bảo đảm sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

## **2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh**

Đảng tiếp tục khẳng định: “xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng; Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Đảng ta luôn nhấn mạnh vấn đề giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, xây

---

<sup>24</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sdd, tr.85.

dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; có phương thức lãnh đạo khoa học”<sup>25</sup>.

Đảng ta chủ trương: Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI). Nghị quyết Đại hội XII Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”<sup>26</sup>. Vấn đề đặt ra là mọi tổ chức đảng, từ Trung ương đến cơ sở, mọi cán bộ, đảng viên phải nắm vững toàn bộ nội dung xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, lý luận, đạo đức, tổ chức, cán bộ và phương thức lãnh đạo. Đây là vấn đề sống còn của Đảng, nếu không làm được điều đó thì “sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ”<sup>27</sup>.

---

<sup>25</sup> Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.

<sup>26</sup> Nghị quyết Đại hội XII Đảng Cộng sản Việt Nam, báo Nhân dân, số 22040, ngày 30/01/2016.

<sup>27</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.21-22.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Liên hệ trách nhiệm của bản thân.

2. Phân tích đặc trưng của chủ nghĩa xã hội về “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”. Liên hệ trách nhiệm của bản thân.

3. Phân tích đặc trưng của chủ nghĩa xã hội về “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Liên hệ trách nhiệm của bản thân.

## BÀI 5

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

## 1. NỘI DUNG CỦA CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### 1.1. Chủ trương phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam hiện nay

#### 1.1.1. Quan điểm phát triển kinh tế, xã hội

*Tiếp tục đổi mới và sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường, cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Đồng thời, Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, chính sách phân phối và phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo cải thiện đời sống mọi mặt của nhân dân, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo.*

*Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri*

thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước.

*Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.* Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước. Tập trung tạo dựng thể chế, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện ngày càng minh bạch, an toàn, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tự do sáng tạo, đầu tư, kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường. Phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ của người dân trong hoàn thiện và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, trách nhiệm, lấy phục vụ nhân dân và lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất.

*Phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững.* Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế.

### **1.1.2. Mục tiêu và các chỉ tiêu**

*Mục tiêu tổng quát:* Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công

băng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế. Giữ gìn hòa bình, ổn định, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ đất nước. Nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

#### *Các chỉ tiêu chủ yếu*

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người khoảng 3.200 - 3.500 USD. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP khoảng 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 - 34% GDP. Bội chi ngân sách nhà nước còn khoảng 4% GDP<sup>28</sup>. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30 - 35%. Năng suất lao động xã hội bình quân tăng khoảng 5%/năm. Tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1 - 1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 38 - 40%.

Về xã hội: Đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65 - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%. Có 9 - 10

---

<sup>28</sup> Tính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

bác sĩ và trên 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0 - 1,5%/năm.

## **1.2. Chủ trương phát triển văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay**

### ***1.2.1. Mục tiêu phát triển văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay***

*Mục tiêu chung:* Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

#### *Mục tiêu cụ thể*

- Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Phát huy vai trò của gia đình,

cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách.

- Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam.

- Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các giai tầng xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội.

### ***1.2.2. Quan điểm phát triển văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay***

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và

văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

## **2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam hiện nay**

*Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, phát huy vai trò của nền kinh tế nhà nước*

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là giải phóng sức sản xuất của xã hội, nhằm huy động các nguồn lực phát triển kinh tế thị trường; đồng thời tạo môi trường cạnh tranh trong nền kinh tế và đó là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước, tập trung vào một số ngành và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động của các đơn vị dịch vụ công phù hợp kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các

trang trại, hộ sản xuất kinh doanh; đặc biệt trong nông nghiệp, nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài và các ngành lĩnh vực kinh tế nhất là lĩnh vực công nghệ cao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế đất nước.

*Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên môi trường.*

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân là tạo lập những tiền đề vật chất cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển. Chuyển lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ, gắn với nền kinh tế tri thức ở các ngành các lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân. Để thực hiện được cần: phát triển mạnh khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu và đổi mới công nghệ.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại. Cơ cấu kinh tế xây dựng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở khai thác lợi thế của các vùng miền, các ngành, các lĩnh vực, đồng thời phải phù hợp với xu thế phát triển của thế giới. Các cơ cấu kinh tế đó là: cơ cấu ngành, cơ cấu vùng và cơ cấu thành phần kinh tế.

*Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường*

Yếu tố thị trường và các loại thị trường là nhân tố để giải quyết những mối quan hệ trong nền kinh tế thị trường; đáp ứng yêu cầu đầu vào và đầu ra của nền kinh tế. Việt Nam chuyển đổi

từ nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường; do đó, các yếu tố thị trường chưa hoàn thiện và các thị trường phát triển. Vì vậy, phải hình thành và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Cụ thể:

Tạo môi trường (pháp lý, kinh tế - xã hội) để các yếu tố của thị trường phát triển lành mạnh, hiệu quả. Đổi mới và hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, giải quyết tranh chấp; xây dựng và thực hiện quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng, đối với bảo vệ môi trường.

Phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ, cả thị trường trong và ngoài nước (đặc biệt các thị trường lớn như: Mỹ, châu Âu, Đông Á và một số thị trường truyền thống Nga và các nước Đông Âu cũ).

*Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội*

Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển, vận hành thông suốt, hiệu quả, đồng bộ và khả thi các loại thị trường và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh và quản lý giá phải theo cơ chế thị trường. Đồng thời, Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, cơ chế, chính sách phân phối,

phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, an toàn, thuận lợi; kiểm soát tốt độc quyền kinh doanh, thực thi hiệu lực, hiệu quả các chính sách cạnh tranh lành mạnh. Đặt doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường; phân định rõ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường và thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao. Tập trung phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực và tiềm lực khoa học, công nghệ.

Nâng cao năng lực, hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại trong điều kiện đất nước phát triển và hội nhập quốc tế, chú trọng nâng cao năng lực trọng tài. Không hình sự hóa các mối quan hệ kinh tế, dân sự. Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện chính sách, pháp luật. Đề cao vai trò các đoàn thể nhân dân, các hiệp hội ngành, nghề, hiệp hội người tiêu dùng trong việc bảo vệ quyền lợi của người dân, doanh nghiệp.

Tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, phân bổ vốn theo kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên cho các công trình hạ tầng trọng điểm, cấp thiết. Bố trí nguồn lực tài chính nhà nước phù hợp để tham

gia và thúc đẩy đầu tư của khu vực ngoài nhà nước. Điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư nhà nước gắn với phân cấp phù hợp giữa Trung ương và địa phương.

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả. Bảo đảm cân đối cung - cầu, nhất là các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu. Tập trung đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

### *Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội*

Trải qua các giai đoạn phát triển của đất nước, từ nhận thức đúng đắn tính thống nhất và mâu thuẫn trong quá trình thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước đề ra những quan điểm, chủ trương đúng đắn để xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tư tưởng đó dần được hoàn thiện qua các kỳ đại hội của Đảng.

*Thứ nhất*, hoàn thiện mô hình tổng quát giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến 2030. Mô hình phát triển kinh tế Việt Nam lựa chọn trong giai đoạn tới tiếp tục phải là mô hình “gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh”. Nội dung chính của mô hình này là: thực hiện việc kết hợp tăng trưởng kinh tế nhanh với công bằng xã hội ngay từ đầu khi xây dựng, thực thi chính sách kinh tế - xã hội và trong toàn bộ tiến trình phát triển; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa cả ba mặt là kinh tế, xã hội và môi trường.

*Thứ hai*, hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường để phát triển nhanh và bền vững. Cụ thể là: tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường; phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các yếu tố, các loại thị trường trong nước; mở rộng, đa dạng hóa thị trường ngoài nước; phát huy đồng bộ các thành phần kinh tế; đề cao vai trò của kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, nhằm huy động tốt nhất mọi nguồn lực trong dân. Tập trung thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng; cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là thực hiện thành công ba khâu đột phá chiến lược; thực hiện mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, hiệu quả và lợi thế so sánh, hướng tới mục tiêu dài hạn, bền vững, hiệu quả và vì con người; hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội; đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nhất là ở các vùng đặc biệt khó khăn và có chính sách đặc thù để giảm nghèo nhanh hơn trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc, lồng ghép hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng ngành, từng địa phương.

*Thứ ba*, hoàn thiện chính sách phân phối. Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp. Chú trọng phân phối lại qua phúc lợi xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng

thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, các công cụ điều tiết, chính sách phân phối để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Xây dựng và hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng suất lao động. Thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo lộ trình phù hợp, bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động đang làm việc, cũng như người đã nghỉ hưu theo chế độ.

*Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Vai trò lãnh đạo của Đảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục đổi mới tư duy lý luận; đẩy mạnh công tác nghiên cứu tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp những luận cứ khoa học, lý luận cho hoạch định, phát triển đường lối, chính sách của Đảng để thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

Năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước sẽ quyết định đến định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường, hiệu quả khai thác và sử dụng các tiềm năng quốc gia.

Cải cách bộ máy và cơ chế điều tiết nền kinh tế của nhà nước như: Luật pháp; chính sách (tiền tệ, tài chính...) các công cụ khác (thuế, lãi suất...). Tăng cường kiểm tra, kiểm soát để điều chỉnh kịp thời sự vận hành của nền kinh tế khi cần thiết.

Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và của nhân dân trong

phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo điều kiện để nhân dân và các tổ chức này tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

*Mở rộng kinh tế đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế*

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là tiền đề, điều kiện quan trọng để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

Khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực bên ngoài như: vốn, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tổ chức vận hành nền kinh tế thị trường hiện đại.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển lợi thế quốc gia trong kinh tế đối ngoại thích nghi với sự thay đổi xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.

Tìm kiếm và mở rộng các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác lớn.

*Thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*

Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay

trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí

tuệ và nhân tài cho đất nước. Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

## **2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay**

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành

nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện* phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

*Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*

Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy giá trị truyền

thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng mỗi trường học thật sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người. Xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*. Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền và các giai tầng xã hội. Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng.

### *Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế*

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### *Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa.*

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc. Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, chăm lo bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật.

*Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản*

Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, đề cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng văn hóa và con người Việt Nam. Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên Internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên.

*Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa*

Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường dịch vụ, sản phẩm văn hóa lành mạnh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa; tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam. Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội.

*Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*

Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các

thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

*Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa*

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo.

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Chấn chỉnh và quản lý tốt các hoạt động lễ hội. Rà soát, phát triển hợp lý các thiết chế văn hóa. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở.

Mức đầu tư của Nhà nước cho văn hóa phải tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích nội dung cơ bản trong đường lối phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta hiện nay. Liên hệ trách nhiệm bản thân.

2. Phân tích nội dung cơ bản trong đường lối phát triển văn hóa, con người ở nước ta hiện nay. Liên hệ trách nhiệm bản thân.

3. Phân tích các quan điểm cơ bản của Đảng về phát triển kinh tế, xã hội.

4. Làm rõ quan điểm và những định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta. Ý nghĩa của việc thực hiện những nội dung đó.

5. Phân tích vì sao quá trình đổi mới ở nước ta phải lấy phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Để thực hiện nhiệm vụ đó, mỗi ngành, mỗi địa phương, gia đình và mỗi người cần phải làm gì?

## BÀI 6

# TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

## 1. BỐI CẢNH VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ

### 1.1. Bối cảnh trong nước

Ở trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm tới là thời kỳ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải nỗ lực rất cao để tận dụng thời cơ, vượt qua những thách thức lớn trong quá trình hội nhập.

Kinh tế từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc; nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp.

Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ “diễn biến hòa bình” của thế lực thù địch

nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Tình hình chính trị - xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

## **1.2. Bối cảnh quốc tế**

Trong những năm tới tình hình sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực.

Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động

manh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn. Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích của từng quốc gia tiếp tục diễn ra rất phức tạp.

Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới.

Kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn có nhiều biến động khó lường. Các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Biến động của giá cả thế giới, sự bất ổn về tài chính, tiền tệ và vấn đề nợ công tiếp tục gây ra những hiệu ứng bất lợi đối với nền kinh tế thế giới. Tương quan sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đang có nhiều thay đổi. Hầu hết các nước trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới thể chế kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt. Xuất hiện nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính quốc tế, khu vực, các hiệp định kinh tế song phương, đa phương thế hệ mới.

Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành Cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài.

Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn.

## **2. QUAN ĐIỂM VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG, AN NINH**

### **2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh**

- Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

- Tăng cường tiềm lực, xây dựng thế trận và lực lượng của nền quốc phòng toàn dân.

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh; kết hợp quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh.

## **2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh**

### **2.2.1. Mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh**

Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

### **2.2.2. Nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh**

*Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt*

Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc; đồng thời, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước. Giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế.

*Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo*

Khắc phục triệt để những sơ hở, thiếu sót trong việc kết hợp kinh tế và quốc phòng, an ninh tại các địa bàn, nhất là địa bàn chiến lược. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

Xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến.

Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Tích cực, chủ động chuẩn bị lực lượng đủ mạnh và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, sẵn sàng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc trong mọi tình huống; nâng cao chất lượng

công tác dự báo tình hình; kiên quyết giữ vững ổn định chính trị, ổn định kinh tế - xã hội trong mọi tình huống; xây dựng, củng cố đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo.

*Tiếp tục giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc*

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

*Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vững mạnh là lực lượng nòng cốt của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*

Xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại là lực lượng chính trị tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, có số lượng hợp lý, có sức chiến đấu cao; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, chủ động chuẩn bị lực lượng và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, đủ khả năng bảo vệ vững

chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia trong mọi tình huống.

*Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc*

Làm cho tư duy về bảo vệ Tổ quốc được thể hiện đậm nét, trước hết là trong các chủ trương, chính sách phát triển của các ngành và các địa phương; cần xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối kết hợp hoạt động bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

### **3. QUAN ĐIỂM VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI**

#### **3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại**

*Thứ nhất*, “Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu... Chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương”. Với định hướng này, việc nâng cao hiệu quả đòi hỏi mọi hoạt động đối ngoại phải được hoạch định và triển khai trên cơ sở tính kỹ kết quả phục vụ các mục tiêu đối ngoại với mức độ sử dụng ít nhất các nguồn lực. Trong các hoạt động đa phương, cần chủ động, tích cực để đóng góp vào những vấn đề lớn, có tầm “định hình” các thể chế khu vực, liên khu vực và toàn cầu.

*Thứ hai*, “Kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của đất nước”.

*Thứ ba*, “Tiếp tục hoàn thành việc phân định biên giới trên bộ, thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 và quy tắc ứng xử của khu vực”. Trong các quy tắc ứng xử của khu vực nêu trong định hướng này, quan trọng nhất là Hiệp định Thân thiện và Hợp tác ở Đông - Nam Á (TAC) và Quy tắc về Cách ứng xử của Các bên liên quan ở Biển Đông (DOC).

*Thứ tư*, thứ tự ưu tiên trong quan hệ với các đối tác là các nước láng giềng, các đối tác lớn, đối tác quan trọng. Định hướng này nhấn mạnh yêu cầu phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với Lào, Cam-pu-chia và Trung Quốc. Các đối tác lớn, đối tác quan trọng là những đối tác có tiềm lực lớn, quan hệ của nước ta với họ có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển và bảo vệ an ninh của đất nước ta.

*Thứ năm*, hoạt động trong ASEAN thì “Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh”. Theo đó, phải nhận thức rõ tầm quan trọng của ASEAN trong tổng thể các hoạt động đối ngoại, coi ASEAN là vành đai an ninh trực tiếp của đất nước, là ngôi nhà chung của mình.

*Thứ sáu*, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế để giảm các tác động tiêu cực của hội nhập và hiện thực hóa các cơ hội mà hội nhập quốc tế mang lại.

*Thứ bảy*, tăng cường công tác nghiên cứu, công tác bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ đối ngoại và công tác tuyên truyền đối ngoại.

*Thứ tám*, mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

*Thứ chín*, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại; tăng cường sự phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân, giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

## **3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại**

### **3.2.1. Phương hướng**

Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

### **3.2.2. Nhiệm vụ**

Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương, chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương.

Kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của đất nước.

Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ

sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế; hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu, bất lợi.

Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng, ký kết và thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích của đất nước.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại; đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích vì sao bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Liên hệ nhiệm vụ của mỗi người trong việc thực hiện nhiệm vụ đó.

2. Làm rõ tầm quan trọng của việc mở rộng quan hệ đối ngoại. Phân tích các nguyên tắc và nhiệm vụ công tác đối ngoại của Đảng. Liên hệ nhiệm vụ của mỗi người trong việc thực hiện nhiệm vụ đó.

# **BÀI 7**

## **XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

### **1. BẢN CHẤT VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Trước hết, cần khẳng định rằng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước kiểu mới được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là một Nhà nước đại đoàn kết toàn dân, dựa trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Một Nhà nước khác về chất so với Nhà nước pháp quyền tư sản chứa đựng thuộc tính bất bình đẳng, áp bức, bất công đã không được nhân dân ta lựa chọn.

Về bản chất, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

*Bản chất giai cấp công nhân:* Nhà nước ta do Đảng cộng sản lãnh đạo, mọi hoạt động của Nhà nước từ pháp luật, cơ chế, chính sách đến những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước đều thể hiện quan điểm của giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

*Tính nhân dân:* Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, như chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

*Tính dân tộc:* Trong tổ chức và hoạt động, Nhà nước ta kế thừa và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, của con người Việt Nam; Nhà nước có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích mọi mặt cho các dân tộc, coi đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## **1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam Việt Nam có những đặc trưng cơ bản sau:

(1) Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

(2) Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

(3) Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

(4) Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

(5) Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

(6) Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Chức năng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: chức năng bạo lực trấn áp và chức năng tổ chức xây dựng.

*Chức năng bạo lực trấn áp:* Để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Nhà nước ta sử dụng toàn bộ sức mạnh của mình để phòng ngừa ngăn chặn mọi âm mưu gây rối, phá hoại, bạo loạn, xâm hại đến nền an ninh quốc gia, đến sự ổn định chính trị trong nước, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội, tạo điều kiện hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

*Chức năng tổ chức xây dựng:* Đây là một chức năng bao gồm các nội dung cơ bản sau: Tổ chức xây dựng và quản lý nền

kinh tế xã hội chủ nghĩa; tổ chức xây dựng và quản lý văn hóa, giáo dục, khoa học; tổ chức xây dựng và bảo đảm thực hiện các chính sách xã hội; xây dựng hệ thống pháp luật để bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân.

Hai chức năng cơ bản trên đây của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có mối quan hệ hữu cơ và thống nhất với nhau, trong đó chức năng tổ chức và xây dựng là căn bản nhất và giữ vai trò quyết định. Bởi vì, với nhà nước xã hội chủ nghĩa, chức năng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội “mới chỉ là những công việc quét dọn trước khi xây dựng, chứ chưa phải là đích thân việc xây dựng” như Lênin đã khẳng định.

## **2. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

### **2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

*Thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hóa động của Nhà nước.* Đây vừa là nguyên tắc căn bản, vừa là giải pháp quan trọng hàng đầu trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng cơ bản nhất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là tính dân chủ cao nhất của nó, là tự khẳng định chủ thể đích thực của quyền lực nhà nước là nhân dân mà nền tảng là khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

*Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành toàn diện, đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội.* Đây vừa là những định hướng lớn của Đảng, vừa là yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Lập pháp, hành pháp, tư pháp là ba bộ phận cơ bản cấu thành quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước là thống nhất thuộc về nhân dân và không thể phân chia, tách rời giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhân dân là chủ thể, là cội nguồn của quyền lực nhà nước. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua Nhà nước, bằng Nhà nước.

*Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật.* Hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật là tổng thể các biện pháp tác động đến cả thể chế, thiết chế và phương thức vận hành của cơ chế, giúp cho cơ chế hoạt động được hiệu quả. Bảo đảm tính độc lập và chuyên trách của cơ quan bảo vệ Hiến pháp. Phương thức hoạt động của cơ chế bảo vệ Hiến pháp phải phù hợp với vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi thẩm quyền của cơ quan bảo vệ pháp luật theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuân thủ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## **2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước.

Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Tổ chức tòa án theo thẩm quyền xét xử; bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, của đương sự. Tiếp tục xã hội hóa một số hoạt động tư pháp và hỗ trợ tư pháp có đủ điều kiện.

Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra.

Kiện toàn tổ chức cơ quan điều tra, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của luật sư, hỗ trợ tư pháp.

*Về chính quyền địa phương:* Trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

*Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức:* Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.

Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân biệt Nhà nước chuyên chính vô sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

2. Phân tích sự cần thiết xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Liên hệ việc tham gia xây dựng chính quyền địa phương mình.

3. Phân tích làm rõ bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sự giống nhau và khác nhau giữa nó với nhà nước pháp quyền nói chung.

## BÀI 8

# PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

### 1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

#### 1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Đoàn kết là truyền thống quý báu, là tài sản vô giá của dân tộc ta được hình thành qua hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Kế thừa và phát huy truyền thống đó, ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết, coi trọng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân và mặt trận dân tộc thống nhất, phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống kết hợp với sức mạnh thời đại, đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

*Truyền thống yêu nước, nhân ái, tinh thần cố kết cộng đồng của dân tộc Việt Nam*

Trải qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức cộng đồng, ý thức cố kết dân tộc, đoàn kết dân tộc của dân tộc Việt Nam đã được hình thành và củng cố, tạo thành một truyền thống bền vững. Đối với mỗi

người Việt Nam, yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết đã trở thành một tình cảm tự nhiên, in đậm dấu ấn trong cấu trúc xã hội truyền thống, tạo thành quan hệ ba tầng chặt chẽ: gia đình - làng xã - quốc gia. Từ đời này sang đời khác, tổ tiên ta đã có rất nhiều chuyện cổ tích, ca dao, ngạn ngữ ca ngợi truyền thống đoàn kết dân tộc.

Hồ Chí Minh đã sớm hấp thụ và nhận thức được vai trò của truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc. Người khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”<sup>29</sup>. Chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, cộng đồng của dân tộc Việt Nam là cơ sở đầu tiên, sâu xa cho sự hình thành đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam.

*Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử; giai cấp vô sản muốn thực hiện được vai trò lãnh đạo cách mạng phải trở thành dân tộc; liên minh công nông là cơ sở để xây dựng lực lượng to lớn của cách mạng. Chủ nghĩa Mác- Lênin đã chỉ ra cho các dân tộc bị áp bức con đường tự giải phóng. V.I. Lênin cho rằng, sự liên minh giai cấp, trước hết là liên minh công nông là hết sức cần thiết bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng vô sản,

---

<sup>29</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 6*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.171.

rằng nếu không có sự đồng tình và ủng hộ của đa số nhân dân lao động với đội ngũ tiên phong của nó, tức giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được.

Như vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin không những đã chỉ ra vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử mà còn chỉ ra vị trí của khối liên minh công nông trong cách mạng vô sản. Đó là những quan điểm lý luận hết sức cần thiết để Hồ Chí Minh có cơ sở khoa học trong sự đánh giá chính xác yếu tố tích cực cũng như những hạn chế trong các di sản truyền thống, trong tư tưởng tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam tiền bối và các nhà cách mạng lớn trên thế giới, từ đó hình thành tư tưởng của Người về đại đoàn kết dân tộc.

#### *Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc*

Hồ Chí Minh cho rằng, cuộc đấu tranh cứu nước của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX bị thất bại có một nguyên nhân sâu xa là cả nước đã không đoàn kết được thành một khối thống nhất. Người thấy rằng, muốn đưa cách mạng đến thành công phải có lực lượng cách mạng đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù và xây dựng thành công xã hội mới; muốn có lực lượng cách mạng mạnh phải thực hiện đại đoàn kết, quy tụ mọi lực lượng cách mạng thành một khối vững chắc. Do đó, đoàn kết trở thành vấn đề chiến lược lâu dài của cách mạng, là nhân tố bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng.

Hồ Chí Minh đi đến kết luận: muốn được giải phóng, các dân tộc bị áp bức và nhân dân lao động phải tự mình cứu lấy mình bằng đấu tranh cách mạng, bằng cách mạng vô sản. Người đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về

cách mạng vô sản vào thực tiễn Việt Nam, xây dựng lý luận cách mạng thuộc địa, trong đó Người quan tâm nhiều đến vấn đề lực lượng cách mạng và phương pháp cách mạng.

Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, nhưng đại đoàn kết dân tộc luôn luôn được Người nhận thức là vấn đề sống còn của cách mạng.

Hồ Chí Minh đã đưa ra nhiều luận điểm về vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế: Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công; Đoàn kết là điểm mọ; điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt; Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần quan điểm coi sức mạnh của cách mạng là sức mạnh của nhân dân: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Đồng thời, Người lưu ý rằng, nhân dân bao gồm nhiều lứa tuổi, nghề nghiệp, nhiều tầng lớp, giai cấp, nhiều dân tộc, tôn giáo, do đó phải đoàn kết nhân dân vào trong *Mặt trận Dân tộc thống nhất*. Để làm được việc đó, Người yêu cầu Đảng, Nhà nước phải có chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với các giai cấp, tầng lớp, trên cơ sở lấy lợi ích chung của Tổ quốc và những quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động, làm “*mẫu số chung*” cho sự đoàn kết.

## **1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

Nhìn lại lịch sử, quan điểm trên không phải bây giờ mới có, ngay trong cách mạng giải phóng dân tộc, sức mạnh tổng hợp

của dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại đã được Đảng ta phát huy cao độ để giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua, sức mạnh tổng hợp của đất nước có bước phát triển toàn diện, trên tầm cao mới, tạo thế và lực để đất nước giành những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường trong bối cảnh đất nước có nhiều khó khăn, thách thức. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước. Đạt được kết quả trên là do Đảng và Nhà nước luôn chủ trương nhất quán, phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế:* Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi chưa phát huy được vai trò, sức mạnh của nhân dân; chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để có chủ trương phù hợp; chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích hợp pháp của các giai cấp, tầng lớp nhân dân chưa được kịp thời thể chế hóa, hoặc đã thể chế hóa nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp có lúc, có nơi chưa

sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở, còn có biểu hiện hành chính hóa, chưa thiết thực, hiệu quả.

*Những hạn chế, khuyết điểm:* Chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thật sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến để giải quyết kịp thời, có hiệu quả những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thể chế hóa đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn thiếu và chưa đồng bộ.

## **2. QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC**

### **2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

*Một là,* phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là động lực và nguồn sức mạnh to lớn, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Hai là,* đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

*Ba là*, vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc bắt đầu từ sự đặt đúng vị trí của yếu tố lợi ích, theo quan điểm được xác định từ Nghị quyết Trung ương 8B khóa VI là: “Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ công dân”.

*Bốn là*, thực hiện dân chủ và phát huy chủ nghĩa yêu nước là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước luôn luôn là động lực lớn nhất của dân tộc ta trong quá trình lịch sử. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.

## **2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

### *Phương hướng*

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết

giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

### *Giải pháp*

Tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển *cấp công giai nhân* cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân.

Xây dựng, phát huy vai trò của *giai cấp nông dân*, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng *đội ngũ trí thức* ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Xây dựng, phát triển *đội ngũ doanh nhân* lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao.

Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho *thế hệ trẻ*.

Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của *phụ nữ*; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng.

Có cơ chế, chính sách tạo điều kiện, đồng thời động viên *cựu chiến binh* tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để *người cao tuổi* hưởng thụ văn hóa, tiếp cận thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc.

*Đoàn kết các dân tộc* có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về *tín ngưỡng, tôn giáo*, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo.

Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ *đồng bào định cư ở nước ngoài* ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, góp phần tăng cường hợp tác, có cơ chế, chính sách thu hút đồng bào hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tiếp tục tăng cường củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

2. Trình bày phương hướng củng cố và phát huy đại đoàn kết trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Liên hệ những phương hướng với hoạt động của mình.

# BÀI 9

## TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

### 1. QUAN NIỆM VỀ NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

#### 1.1. Người công dân tốt

Theo Luật Quốc tịch Việt Nam, công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam do Quốc hội Việt Nam thông qua và người có quốc tịch Việt Nam là công dân Việt Nam. Người công dân tốt trước hết là người phải thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp (quy định tại Chương II, Hiến pháp 2013), không làm trái với những quy định của pháp luật.

Theo nghĩa chung nhất, *công dân tốt là những người luôn thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thông qua hành động cụ thể để chứng tỏ mình là người có ích cho cộng đồng, xã hội.*

Một số đặc điểm cơ bản của một người công dân tốt:

Thông qua cuộc sống các công dân trực tiếp tham gia trực tiếp vào các hoạt động sống, ghi dấu ấn cá nhân thông qua việc làm, cách ứng xử và các biểu hiện cụ thể.

- Theo như định nghĩa chung nhất, công dân tốt trước hết là người luôn thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân. Theo đó, công dân thực hiện đầy đủ các quyền công dân theo pháp luật định, ví dụ như:

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận, kiến nghị các vấn đề chung của cả nước và địa phương. Công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật. Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất; quyền xây dựng, thuê nhà ở theo quy hoạch và pháp luật. Công dân có quyền được học tập, nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế; được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe.

Bên cạnh các quyền, công dân cần thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ gắn liền với quyền theo quy định tại Chương II của Hiến pháp 2013 và các quy định khác của pháp luật. Theo đó, công dân phải tôn trọng quyền của người khác, có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội, không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

- Công dân tốt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là những cá nhân có đạo đức cách mạng, vì lợi ích của đất nước, lợi ích cộng đồng, đặt lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng trước hết. Theo đó, công dân tốt là người yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tích cực tham gia vào đời sống chính trị, tham gia thảo luận các vấn đề lớn của nhà nước, sẵn sàng làm nghĩa vụ quân sự theo luật nghĩa vụ quân sự, cống hiến sức trẻ và trí tuệ cho phát triển đất nước, gia đình.

- Công dân tốt phải là người có đạo đức tốt, kỹ năng tốt và tri thức khoa học. Trong bối cảnh thời đại phát triển và thay đổi

không ngừng, mỗi công dân tốt là những người có đạo đức tốt: yêu thương, giúp đỡ người yếu thế, người già, kính trên nhường dưới,... tôn trọng và giữ gìn giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Người có chí cầu học hỏi, không ngừng nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp sáng tạo, chuyên môn giỏi...

- Ngoài ra, công dân tốt trong thời đại ngày nay là những công dân bảo vệ môi trường. Môi trường riêng (có thể trong khuôn viên nhà, sân vườn) sạch sẽ, trong lành nhưng con cá không thể sống trong cái ao đó mãi được, mà biển cả, môi trường chung cũng cực kỳ quan trọng. Không xả rác bừa bãi và nên coi đường phố, sân ga, nơi công cộng như sân vườn nhà mình bởi chính từng cá nhân trong chúng ta đang thụ hưởng không gian chung đó. Nói rộng ra, đó cũng là bộ mặt của cả quốc gia, trong đó có mình là thành viên bởi không ai có thể hãnh diện sạch sẽ nếu mặt mũi đầy bùn đất.

## **1.2. Người lao động tốt**

Theo quy định tại Điểm 1, Điều 3 của Luật lao động 2012, *người lao động* là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động. Cũng tại Điều này, tuổi lao động được xác định từ đủ 15 tuổi đến thời điểm nghỉ hưu. Trong khi đó, tuổi nghỉ hưu được xác định như sau:

- Người lao động bảo đảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.

- Người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, người lao động làm công tác quản lý và một số trường hợp đặc

biệt khác có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 năm so với quy định tại Khoản 1.

Như vậy độ tuổi lao động là 15 - 60 tuổi đối với nam và 15 - 55 tuổi đối với nữ và người lao động dưới 18 tuổi được coi là lao động chưa thành niên.

Người lao động là một bộ phận cấu thành xã hội, là những cá nhân trong cộng đồng xã hội, công dân của nhà nước. Chính vì vậy, người lao động tốt đồng thời cũng là người hội tụ đầy đủ của phẩm chất, phong cách sống và làm việc của một công dân tốt.

Tóm lại, lao động tốt là những người luôn thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình lao động sản xuất. Có đạo đức nghề nghiệp, có lòng nhân ái, giúp đỡ đồng nghiệp và không ngừng học hỏi, rèn luyện nâng cao kiến thức và tay nghề, tham gia lao động sản xuất có hiệu quả cao.

Theo đó, người lao động tốt là một tiêu chí quan trọng nhất để phấn đấu trở thành người công dân tốt. Người lao động tốt hội tụ đầy đủ về đạo đức, thể chất và trí tuệ khi tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất. Người lao động tuân theo các quy tắc của công ty, xí nghiệp, đồng thời phải tuân theo những quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Bên cạnh đó, đạo đức nghề nghiệp góp phần hình thành nhân cách người lao động cách mạng, làm việc tôn trọng đạo đức nghề nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp gắn liền với đạo đức cá nhân, trân quý các giá trị truyền thống tốt đẹp như lòng nhân ái, yêu đất nước, tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng hỗ trợ giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ khó khăn với đồng nghiệp và thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng. Trong quá trình lao động sản xuất, người lao động tốt

không ngừng phát hiện ra cách làm mới, sáng tạo ra những sáng kiến thay đổi kỹ thuật nhằm tiết kiệm thời gian, tăng năng xuất lao động. Các phẩm chất nói trên của người lao động có quan hệ chặt chẽ với nhau và người lao động tốt phải là người lao động hội tụ được đầy đủ các phẩm chất đó.

## **2. NỘI DUNG TU DƯỠNG VÀ RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT**

### **2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam**

Trung thành với mục tiêu độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội, kiên trì chủ nghĩa chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vì mục tiêu xây dựng xã hội Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Tôn trọng nhân dân, kính yêu nhân dân; có ý thức giữ gìn khối đoàn kết toàn dân tộc. Mở rộng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với âm mưu hòng chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện tốt những nội dung tu dưỡng và rèn luyện của lứa tuổi sinh viên. Tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội; sẵn sàng đóng góp sức mình cho xây dựng và bảo vệ đất nước.

### **2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân**

Công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra nhiều ngành nghề mới, đặt ra yêu

cầu bức thiết về nguồn nhân lực chất lượng cao; có kiến thức chuyên môn, kỹ thuật, kỷ luật, kinh nghiệm, kỹ năng lao động...

Những kiến thức, kỹ năng thực hành không thể có ngay mà là quá trình hình thành và phát triển trong học tập, rèn luyện ở nhà trường và sau khi ra trường. Sinh viên trong các trường giáo dục nghề nghiệp có những tiêu chí tu dưỡng rèn luyện để phấn đấu để trở thành người công dân tốt. Cụ thể:

*Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân:* Thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của người công dân. Hiện tại, trong việc học tập và rèn luyện cần nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ cụ thể của người học sinh khi đến lớp, khi tự nghiên cứu, khi ở ở trường, ở ngoài xã hội. Mỗi học sinh phải cố gắng vì sự phát triển của bản thân, vì gia đình, vì tập thể, vì xã hội, phấn đấu trở thành người công dân có ích cho đất nước.

*Có ý thức công dân:* Đối với người học sinh, ý thức công dân trước hết là hiểu ý nghĩa, quyền và nghĩa vụ học tập của công dân. Thấy được sự quan tâm của Nhà nước và xã hội đối với quyền lợi học tập của công dân và trách nhiệm của bản thân trong học tập. Biểu hiện của ý thức công dân là cần cù, chăm chỉ, kiên trì, sáng tạo, tự giác và giữ kỷ luật trong học tập và rèn luyện.

*Tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống:* Đó là tu dưỡng ý thức và điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; sống có trách nhiệm với bản thân mình và mọi người. Có trách nhiệm trước tập thể và cộng đồng, biết ủng hộ, khuyến khích những biểu hiện của lối sống tiến bộ, biết phê phán những biểu hiện của lối sống lạc hậu, ích kỷ. Có lòng nhân ái, độ lượng, trân trọng các giá trị đạo đức công dân, xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, tư cách, tác phong đúng đắn của

người công dân; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Rèn luyện theo các chuẩn mực đạo đức công dân, phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức. Tu dưỡng rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp.

Sinh viên học nghề cần có động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn. Học là để có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thành người công dân tốt, người lao động tốt. Tự tin vào bản thân, vượt qua khó khăn, vượt qua chính mình để đạt kết quả cao nhất trong học tập, rèn luyện. Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế của của nhà trường, của tập thể, pháp luật của nhà nước. Rèn luyện lương tâm nghề nghiệp, yêu lao động và tôn trọng lao động của người khác. Có ý thức rèn luyện tác phong công nghiệp, thích ứng với sự phát triển của khoa học và công nghệ. Có lối sống lành mạnh, không sa vào các tệ nạn xã hội, không gian lận trong học tập và tiêu cực trong cuộc sống. Kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, lợi ích xã hội. Tham gia tích cực các hoạt động đoàn thể; các hoạt động xã hội; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản của tập thể, của Nhà nước và xã hội. Rèn luyện thân thể để có sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu học tập và công việc phục vụ đất nước.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Là sinh viên học nghề, Anh/Chị phải tu dưỡng, rèn luyện như thế nào để trở thành người công dân tốt?

2. Là sinh viên học nghề, Anh/Chị phải tu dưỡng, rèn luyện như thế nào để trở thành người lao động tốt?

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW ngày 23/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

[2]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 23/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

[3]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), *Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[8]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[9]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014), *Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*, ngày 9/12/2014, Hà Nội.

[10]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[11]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[12]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[13]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[14]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[15]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 6*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[16]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 7*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[17]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 10*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[18]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 12*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[19]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 14*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[20]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 15*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[21]. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), *Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[22]. Lê Đức Thọ (2017), “Phong cách ứng xử Hồ Chí Minh và vấn đề giáo dục văn hóa ứng xử cho sinh Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, số tháng 10.

[23]. Lê Đức Thọ (2018), “Học tập phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Quản lý giáo dục*, Số 2.

[24]. Lê Đức Thọ (2018), “Học tập phong cách tư duy hài hòa, uyên chuyên, có lý có tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Văn Lang, số 10.

[25]. Lê Đức Thọ (2018), “Phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh”. Tác giả: Lê Đức Thọ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp*, số 34.

[26]. Lê Đức Thọ (2018), “Học tập phong cách lãnh đạo dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học và sáng tạo Quảng Nam*, số 180.

[27]. Lê Đức Thọ (2018), “Học tập phong cách lãnh đạo quần chúng, dựa vào dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học và sáng tạo Quảng Nam*, số 186.

[28]. Lê Đức Thọ (2018), “Phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh và vấn đề rèn luyện kỹ năng thuyết trình cho sinh viên Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng hiện nay”, *Tạp chí Khoa học giáo dục nghề nghiệp*, số 54.

[29]. Lê Đức Thọ (2019), “Học tập phong cách diễn đạt giản dị, cụ thể, thiết thực của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học và sáng tạo Quảng Nam*, số 193+194.

[30]. Lê Đức Thọ (2018), “Học tập phong cách ứng xử khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học và sáng tạo Quảng Nam*, số 182+183.

[31]. Lê Đức Thọ (2019), “Học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống nhân dân”, *Tạp chí Khoa học và sáng tạo Quảng Nam*, số 192.

[32]. Lê Đức Thọ, Phạm Xuân Đức (2018), “Quan điểm Hồ Chí Minh về chữ “Trung” và sự vận dụng quan điểm đó trong giáo dục đạo đức cho sinh viên các Trường Cao đẳng Nghề ở Đà Nẵng hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu khoa học*, Trường Đại học Sao Đỏ, số 1(60).

[33]. Lê Đức Thọ (2018), “Những luận điểm sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa”. *Tạp chí Khoa học Công nghệ và Môi trường Gia Lai*, số 4/2018.

[34]. Lê Đức Thọ (2019), “Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công bằng xã hội cho phụ nữ và sự vận dụng của Đảng ta”. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Phú Yên, số 20.

[35]. Lê Đức Thọ (2019), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu”. *Tạp chí Khoa học Thời đại Bình Phước*, số 46 (4/2019).

## **NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ**

07 Hà Nội, TP. Huế - Điện thoại: 0234.3834486; Fax: 0234.3819886

Website: <http://huph.hueuni.edu.vn/>

---

### **Chịu trách nhiệm xuất bản**

Q. Giám đốc: TS. Trần Bình Tuyên

### **Chịu trách nhiệm nội dung**

Q. Tổng biên tập: TS. Nguyễn Chí Bảo

### **Thẩm định nội dung**

TS. Đặng Xuân Điều

### **Biên tập viên**

Ngô Văn Cường

### **Biên tập kỹ thuật**

Trần Dương Hoàng Long

### **Trình bày, minh họa**

Minh Hoàng

### **Sửa bản in**

Quỳnh Chi

---

### **Đối tác liên kết xuất bản**

Lê Đức Thọ, Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng,

99 Tô Hiến Thành, Đà Nẵng

---

## **TÀI LIỆU MÔN HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

(Dùng trong các trường Cao đẳng giáo dục nghề nghiệp và dạy nghề)

In 300 bản khổ 14.5×20.5cm tại Công ty TNHH MTV In và Dịch vụ Thanh Minh, 99 Phan Văn Trường, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2169-2019/CXBIPH/1-23/ĐHH. Quyết định xuất bản số: 57/QĐ/ĐHH-NXB, cấp ngày tháng năm 2019. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Mã số ISBN: 978-604-974-180-7

ISBN: 978-604-974-180-7



9 786049 741807

**Giá: 48.000đ**